

Chuyên K. Dược

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
TRUNG TÂM DI&ADR QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/TTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

V/v tổng kết hoạt động báo cáo
phản ứng có hại của thuốc năm 2022

BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH YÊN BÁI
Số: 352
ĐẾN Ngày 23/02/2023
Chuyên:

Kính gửi: - Lãnh đạo Bộ Y tế;

- Các đơn vị tham gia hoạt động giám sát phản ứng có hại của thuốc.

Với mục tiêu cập nhật về tình hình báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) và thúc đẩy triển khai hoạt động Cảnh giác Dược, hướng tới sử dụng thuốc hợp lý, an toàn theo quy định của Điều 77 Luật Dược 105/2016/QH13, Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác Dược sửa đổi ban hành kèm theo Quyết định 122/QĐ-BYT ngày 11/01/2021 và các văn bản hiện hành của Bộ Y tế, Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (Trung tâm DI & ADR Quốc gia) đã tiếp nhận, phân tích các thông tin từ báo cáo phản ứng có hại của thuốc nhận được từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các cơ sở kinh doanh dược và các đơn vị thử nghiệm lâm sàng trên phạm vi toàn quốc. Việc tổng kết công tác báo cáo ADR được thực hiện hàng năm và gửi tới các Cục, Vụ chức năng của Bộ Y tế, các chương trình y tế mục tiêu quốc gia, các Sở Y tế, các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các đơn vị đã tham gia gửi báo cáo ADR trong năm 2022. Trung tâm DI & ADR Quốc gia xin trân trọng gửi đến quý đơn vị báo cáo tổng kết hoạt động báo cáo ADR năm 2022 (phụ lục kèm theo công văn này).

Trong quá trình xử lý báo cáo ADR, Trung tâm nhận thấy có một số báo cáo ADR gửi từ các đơn vị và thư cảm ơn, phản hồi từ Trung tâm bị thất lạc khi gửi qua đường bưu điện. Để đảm bảo việc trao đổi thông tin được đầy đủ, kịp thời, Trung tâm xin đề nghị các đơn vị tăng cường triển khai báo cáo bằng các hình thức khác (báo cáo trực tuyến hoặc gửi thư điện tử) bên cạnh hình thức gửi qua đường bưu điện về Trung tâm. Năm 2023, Trung tâm tiếp tục duy trì gửi thư cảm ơn, phản hồi và các thông tin khác về ADR cho các đơn vị qua đường thư điện tử. Trong trường hợp có nhu cầu, đề nghị các đơn vị gửi công văn đề xuất cử 01 cán bộ đầu mối phụ trách công tác Cảnh giác Dược để nhận các thông tin nêu trên (công văn cần ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị, số điện thoại và địa chỉ email của các cá nhân được đề xuất).

Bên cạnh đó, để thuận tiện cho việc theo dõi, tiếp nhận báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng (SAE) từ thử nghiệm lâm sàng theo Mẫu 4 (ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư 29/2018/TT-BYT và Thông tư số 10/2020/TT-BYT) và báo cáo theo dõi an toàn của thuốc theo mẫu 2A, 2B, 2C tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT, Trung tâm xin thông báo như sau:

1. Hình thức tiếp nhận báo cáo SAE theo Mẫu 4 (ban hành kèm theo Phụ lục I – “Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng” của Thông tư 29/2018/TT-BYT và được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục “Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng” của Thông tư số 10/2020/TT-BYT):

- Nhân viên y tế gửi thông tin và đính kèm file scan báo cáo gốc qua hệ thống google form theo đường dẫn sau: <https://forms.gle/e8kdzjBS9XNwucusy5>.
- Sau khi gửi báo cáo tại hệ thống trên, xác nhận sẽ được gửi tự động vào email của người báo cáo. Xin lưu ý cung cấp chính xác địa chỉ email để tránh thất lạc thông tin. Trong trường hợp sử dụng email của doanh nghiệp để gửi báo cáo, quý đồng

ngiệp vui lòng tạo tài khoản google bằng email doanh nghiệp theo hướng dẫn tại link sau: <https://workspace.google.com/essentials/signup/verify/workspaceoffer>.

Tất cả các báo cáo SAE theo Mẫu 4 (ban hành kèm theo Phụ lục I – “Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng” của Thông tư 29/2018/TT-BYT và được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục “Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng” của Thông tư số 10/2020/TT-BYT) gửi đến Trung tâm DI&ADR Quốc gia từ ngày 01/01/2023 cần được gửi theo hình thức như trên. Các nội dung báo cáo khác liên quan đến Thử thuốc trên lâm sàng (như báo cáo các SAE xảy ra tại các điểm nghiên cứu ngoài lãnh thổ Việt Nam, báo cáo các AE khác trong nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng tại các điểm nghiên cứu tại Việt Nam, ...) vẫn được duy trì tiếp nhận qua các hình thức khác.

2. Hình thức tiếp nhận báo cáo theo dõi an toàn của thuốc theo mẫu 2A, 2B, 2C tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT:

Bước 1: Đơn vị báo cáo gửi thông tin và đính kèm file scan báo cáo gốc qua hệ thống google form theo các đường dẫn sau (sau khi gửi, hệ thống sẽ gửi email xác nhận vào email của người báo cáo):

- + Báo cáo theo mẫu 2A: <https://forms.gle/rnq2Yu6keVZqVK687>
- + Báo cáo theo mẫu 2B: <https://forms.gle/7qxMLgv19YZAuHLCA>
- + Báo cáo theo mẫu 2C: <https://forms.gle/fYLz1jLttbCWNDPx7>
- Bước 2: Gửi bản gốc báo cáo về Trung tâm DI&ADR Quốc gia.

Trong trường hợp sử dụng email của doanh nghiệp để gửi báo cáo, quý đồng nghiệp vui lòng tạo tài khoản google bằng email doanh nghiệp theo hướng dẫn tại link sau: <https://workspace.google.com/essentials/signup/verify/workspaceoffer>.

Việc tiếp nhận báo cáo theo 2 bước như trên được áp dụng với tất cả các báo cáo theo mẫu 2A, 2B, 2C gửi đến Trung tâm DI&ADR Quốc gia từ ngày 01/01/2023.

Trung tâm trân trọng cảm ơn sự đóng góp của Quý đơn vị trong năm 2022 và mong tiếp tục nhận được sự hợp tác để triển khai tốt hoạt động Cảnh giác Dược, đảm bảo an toàn trong sử dụng thuốc theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Trung tâm DI&ADR khu vực (BV Chợ Rẫy) (để p/h);
- Lưu TTT.



Nguyễn Hoàng Anh

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

1. Cục Quản lý Dược
2. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
3. Cục Quản lý Y Dược cổ truyền
4. Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo
5. Cục Y tế dự phòng
6. Cục Quân Y, Bộ Quốc Phòng
7. Cục Y tế, Bộ Công An
8. Cục Y tế Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải
9. Cục Phòng, chống HIV/AIDS
10. Chương trình chống lao Quốc gia
11. Chương trình phòng, chống sốt rét Quốc gia
12. Chương trình tiêm chủng mở rộng Quốc gia
13. Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương
14. Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh
15. Hội Dược học Việt Nam
16. Tổng hội Y học Việt Nam
17. Tổng Công ty Dược Việt Nam
18. Pharma Group
19. Trung tâm Khu vực về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy
20. Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương
21. Các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế
22. Các đơn vị đã tham gia gửi báo cáo ADR năm 2022.

PHỤ LỤC
TỔNG KẾT CÔNG TÁC BÁO CÁO
PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC (ADR) NĂM 2022

(Kèm theo công văn số 74./TTT, ngày 10/12/2023

của Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc
về việc tổng kết công tác báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) năm 2022)

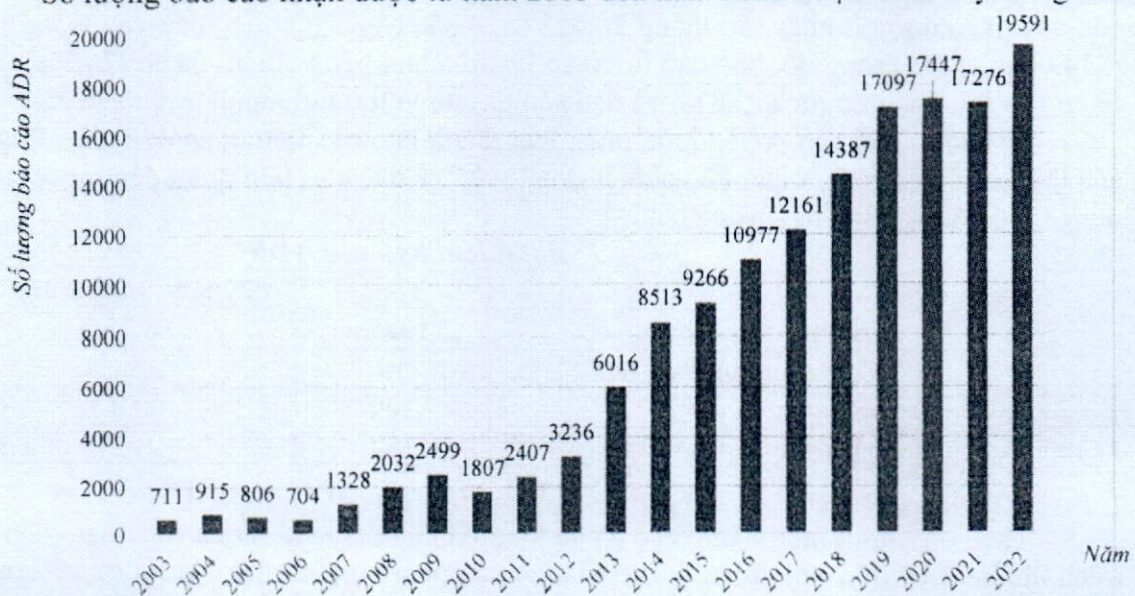
Trong năm 2022, một số văn bản hướng dẫn liên quan hoạt động Cảnh giác Dược đã được cập nhật, sửa đổi bao gồm:

- Hướng dẫn giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại các cơ sở khám, chữa bệnh ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-BYT ngày 05/01/2022. Hướng dẫn có nhiều điểm cập nhật quan trọng, phù hợp với hướng dẫn thực hành Cảnh giác Dược được khuyến cáo bởi Tổ chức Y Tế Thế giới, các nước có hoạt động Cảnh giác Dược phát triển và phù hợp với các quy định hiện hành theo quy định của Luật Dược và các văn bản dưới Luật trong lĩnh vực chuyên ngành. Các phương pháp giám sát ADR tích cực bên cạnh báo cáo ADR tự nguyện kinh điển, các phương pháp đánh giá ADR (đặc biệt khả năng phòng tránh được của ADR) và quản lý giảm thiểu nguy cơ liên quan đến thuốc (đặc biệt các thuốc có nguy cơ cao) đã được đề cập trong Hướng dẫn.

- Thông tư 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Theo đó, cơ sở kinh doanh dược, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện việc theo dõi, giám sát, thu thập, tổng hợp, đánh giá và báo cáo cơ quan có thẩm quyền thông tin các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng, phản ứng có hại của thuốc theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Luật Dược, các hướng dẫn quốc gia về Cảnh giác Dược do Bộ Y tế ban hành và các quy định có liên quan.

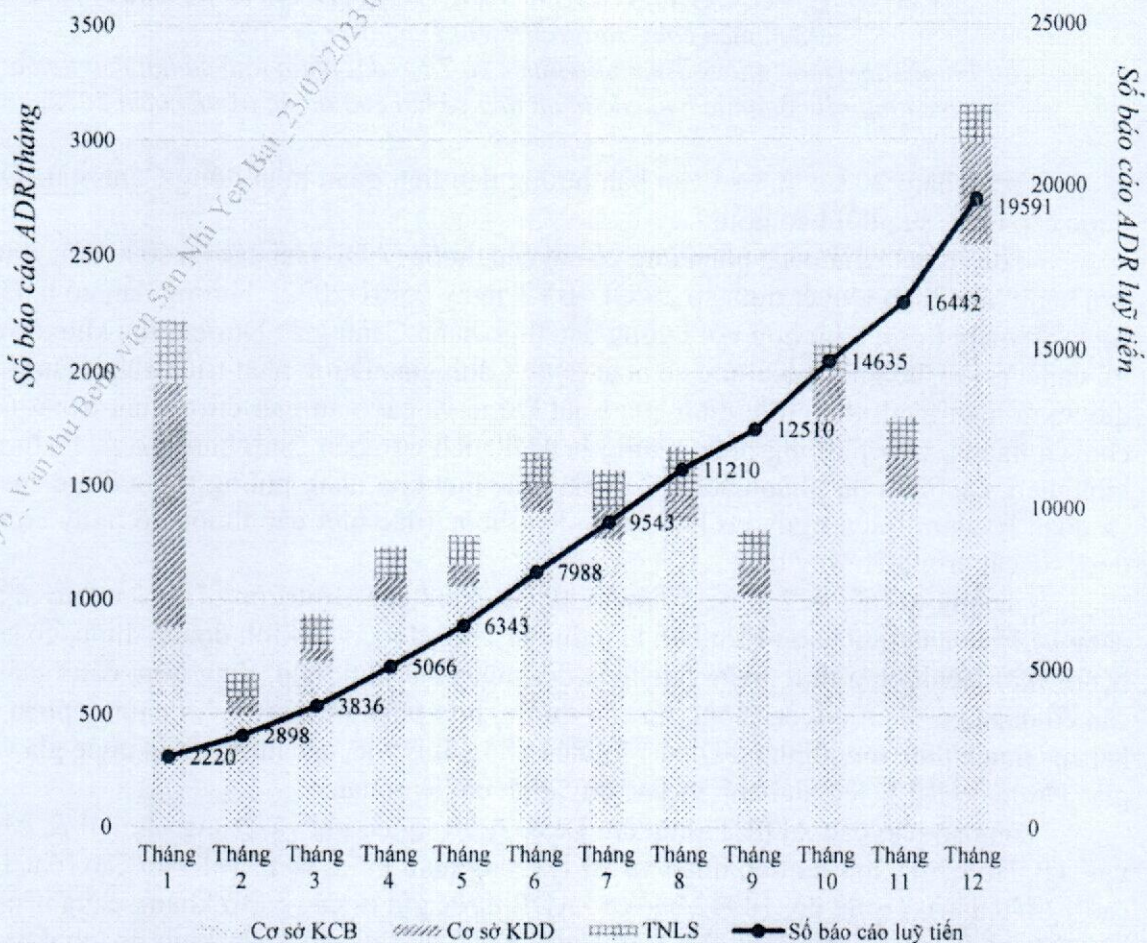
Tổng số báo cáo ADR Trung tâm DI & ADR Quốc gia và Trung tâm DI & ADR khu vực TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận và xử lý trong năm 2022 là 19591 báo cáo (đạt 199 báo cáo/1 triệu dân). Trong đó, 14942 báo cáo ADR được gửi từ các cơ sở khám, chữa bệnh; 2711 báo cáo ADR xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm (17 báo cáo trùng với báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh); và 1955 báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng từ các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam.

Số lượng báo cáo nhận được từ năm 2003 đến năm 2022 được trình bày trong hình 1.



Hình 1: Số lượng báo cáo ADR hàng năm trong giai đoạn 2003 - 2022

Số lượng báo cáo ADR nhìn chung có xu hướng tăng qua từng năm. Năm 2022, số lượng báo cáo ADR nhận được theo từng tháng và số lượng báo cáo lũy tiến được tổng kết trong hình 2.



Hình 2: Số lượng báo cáo năm 2022 theo từng tháng

Như vậy, số lượng báo cáo ADR được phân bố chưa đồng đều giữa các tháng. Số lượng báo cáo nhận được ít nhất vào tháng 2/2022 (678 báo cáo) và nhiều nhất vào tháng 12/2022 (3149 báo cáo). Trong đó, báo cáo từ cơ sở khám, chữa bệnh chiếm đa số (76,3%), báo cáo từ cơ sở kinh doanh dược (13,8%) và báo cáo từ đơn vị thử nghiệm lâm sàng (10%).

Số lượng báo cáo ADR được phân loại thành báo cáo liên quan đến phản ứng có hại của thuốc, báo cáo liên quan đến chất lượng thuốc và báo cáo liên quan đến sai sót trong sử dụng thuốc được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1: Phân loại báo cáo ADR

STT	Loại báo cáo	Tổng	Tỷ lệ % (n=19591)
1	Phản ứng có hại của thuốc	19352	98,75
2	Sai sót trong sử dụng thuốc	15	0,08
3	Chất lượng thuốc	109	0,60
4	Khác	132	0,67

I. BÁO CÁO ADR TỪ CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Theo quy định hiện hành, các cơ sở khám, chữa bệnh và tất cả các nhân viên y tế có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, xử trí và báo cáo phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm

Quốc gia hoặc Trung tâm khu vực TP. Hồ Chí Minh về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc.

1.1. Thông tin chung về báo cáo

Tổng số báo cáo ADR nhận được từ các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc các tỉnh/thành phố trong cả nước là 14942 báo cáo. So với số lượng báo cáo ADR năm 2021 (13127 báo cáo), số lượng báo cáo ADR đã tăng 13,8%.

1.1.1. Thông tin chung về đơn vị báo cáo ADR

Thông tin về vùng, tuyến, loại hình bệnh viện của các đơn vị báo cáo ADR được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2: Thông tin các đơn vị báo cáo ADR về vùng kinh tế, phân tuyến và loại hình bệnh viện trong năm 2022

		Số lượng	Tỷ lệ % (n=14942)
Vùng kinh tế	Đồng bằng sông Hồng	3627	24,3
	Trung du và miền núi phía Bắc	958	6,4
	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	2631	17,6
	Tây Nguyên	254	1,7
	Đông Nam bộ	5836	39,1
	Đồng bằng sông Cửu Long	1636	10,9
Phân tuyến chuyên môn kỹ thuật	Trung ương	1658	11,1
	Tỉnh/thành phố	6548	43,8
	Huyện/quận	2864	19,2
	Y tế ngành	592	4,0
	Bệnh viện đại học	485	3,2
	Tư nhân	2795	18,7
Loại bệnh viện	Đa khoa	9709	65,0
	Chuyên khoa	5233	35,0

Báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh ở vùng Đông Nam bộ chiếm tỷ lệ lớn nhất (39,1%), tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng (24,3%). Tây Nguyên là vùng có tỷ lệ báo cáo thấp nhất (1,7%).

Cơ sở y tế tuyến tỉnh tham gia báo cáo ADR với tỷ lệ cao nhất (43,8%), vượt xa các bệnh viện thuộc tuyến huyện (19,2%) và tuyến trung ương (11,1%). Các đơn vị ngoài công lập (các bệnh viện tư, các phòng khám tư...) cũng đã tham gia báo cáo, tuy nhiên số lượng còn hạn chế (18,7%). Tỷ lệ báo cáo từ bệnh viện đại học là 3,2% và từ bệnh viện ngành là 4,0%.

Báo cáo chủ yếu tập trung từ các bệnh viện đa khoa với tỷ lệ là 65,0%.

1.1.2. Danh sách các đơn vị y tế gửi báo cáo

Bảng 3: Danh sách tỉnh, đơn vị y tế gửi báo cáo ADR năm 2022

Khu vực		Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
Miền Bắc Số tỉnh: 25	Đồng bằng sông Hồng Số tỉnh: 11	Hà Nội	Bệnh viện 09	3	2277	15,2	273,3
			Bệnh viện 19-8 Bộ Công An - Hà Nội	2			
			Bệnh viện Bắc Thăng Long	16			
			Bệnh viện Bạch Mai	196			
			Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương	46			
			Bệnh viện Bưu Điện	27			
			Bệnh viện Châm Cứu Trung Ương	1			

Khu vực		Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/I triệu dân
Số bệnh viện: 312	Số bệnh viện: 179		Bệnh viện chuyên khoa Mắt Sài Gòn - Hà Nội	1			
			Bệnh viện Đa khoa 16A Hà Đông	2			
Bệnh viện Đa khoa An Việt	1						
Bệnh viện Đa khoa Đông Anh	4						
Số báo cáo: 4585	Số báo cáo: 3627		Bệnh viện Đa khoa Đống Đa	3			
			Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	9			
			Bệnh viện Đa khoa Hà Đông	16			
			Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc	84			
			Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc - Phúc Trường Minh	107			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì	1			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Chương Mỹ	11			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Lâm	46			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh	4			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Mỹ Đức	6			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Quốc Oai	1			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thất	13			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Oai	2			
			Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Tín	2			
			Bệnh viện Đa khoa Medlatec	16			
			Bệnh viện Đa khoa Nông Nghiệp	20			
			Bệnh viện Đa khoa Phương Đông	8			
			Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Bắc Hà	1			
			Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Thu Cúc	15			
			Bệnh viện Đa khoa Quốc tế VinMec Times City	134			
			Bệnh viện Đa khoa Sóc Sơn	3			
			Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây	2			
			Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh	25			
			Bệnh viện Đa khoa tư nhân Thăng Long	1			
			Bệnh viện Đa khoa tư nhân Trảng An	2			
			Bệnh viện Đa khoa Vân Đình	17			
			Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	63			
			Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội	3			
			Bệnh viện Da Liễu Trung ương	16			
			Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	101			
			Bệnh viện E	34			
			Bệnh viện Giao Thông Vận Tải Trung Ương	2			
			Bệnh viện Hữu Nghị	25			
			Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4			
			Bệnh viện K	27			
			Bệnh viện Lão Khoa Trung ương	8			
		Bệnh viện Mắt Hà Nội	1				
		Bệnh viện Mắt Hà Nội 2	5				
		Bệnh viện Nhi Trung ương	71				
		Bệnh viện Nội Tiết Trung ương	20				
		Bệnh viện Phổi Hà Nội	17				
		Bệnh viện Phổi Trung ương	246				
		Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	15				
		Bệnh viện Phụ sản Thiện An	1				
		Bệnh viện Phụ Sản Trung ương	83				
		Bệnh viện Quân y 103	44				
		Bệnh viện Quân y 105	13				
		Bệnh viện Quân y 354	5				

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân			
		Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương	18						
		Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	13						
		Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	23						
		Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	3						
		Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	17						
		Bệnh viện Thận Hà Nội	1						
		Bệnh viện Thanh Nhân	75						
		Bệnh viện Thể Thao Việt Nam	6						
		Bệnh viện Tim Hà Nội	44						
		Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	312						
		Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội	11						
		Bệnh viện Ung bướu Hưng Việt	10						
		Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội	38						
		Bệnh viện Xây Dựng	1						
		Bệnh viện Y học Cổ truyền Bộ Công An	7						
		Viện Bông Quốc gia Lê Hữu Trác	1						
		Viện Huyết Học - Truyền Máu Trung ương	40						
		Viện Y học cổ truyền Quân đội	3						
		Viện Y học Phòng không - Không quân	2						
		Vĩnh Phúc	Bệnh viện 74 Trung ương				28	49	0,3
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc		4						
	Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc		2						
	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt		3						
	Bệnh viện Sản Nhi Vĩnh Phúc		8						
	Trung tâm Y tế huyện Tam Dương		1						
	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường		1						
	Trung tâm Y tế Tam Đảo		2						
	Bắc Ninh	Bệnh viện Đa khoa Thiện Nhân	1				88	0,6	60,2
		Bệnh viện Đa khoa Thuận Thành	1						
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	64						
		Bệnh viện Lao - Bệnh Phổi Bắc Ninh	1						
		Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh	5						
		Trung tâm Y tế huyện Gia Bình	2						
		Trung tâm Y tế huyện Lương Tài	4						
		Trung tâm Y tế huyện Thuận Thành	1						
		Trung tâm Y tế huyện Yên Phong	5						
		Trung tâm Y tế thị xã Từ Sơn	4						
	Quảng Ninh	Bệnh viện Bãi Cháy	37				204	1,4	151,0
		Bệnh viện Bảo Vệ Sức Khỏe Tâm thần Quảng Ninh	2						
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả	13						
		Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long	20						
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	7						
		Bệnh viện Lao và Phổi Quảng Ninh	5						
Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh		10							
Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí		83							
Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu		12							
Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên		8							
Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều		4							
Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên		3							
Hải Dương		Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	1	172	1,2	88,8			
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	35							
	Bệnh viện Nhi Hải Dương	8							

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân			
		Bệnh viện phổi Hải Dương	55						
		Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	2						
		Bệnh viện Quân Y 7	3						
		Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương	1						
		Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	11						
		Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc	4						
		Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang	8						
		Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà	3						
		Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	35						
		Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn	6						
		Hải Phòng	Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão				2	436	2,9
	Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền		1						
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng		189						
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế VinMec Hải Phòng		7						
	Bệnh viện Đa khoa Thùy Nguyên		4						
	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp		98						
	Bệnh viện Kiến An		14						
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Hải Phòng		14						
	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng		8						
	Bệnh viện Quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng		13						
	Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng		6						
	Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng		60						
	Trung tâm Y tế Đồ Sơn		2						
	Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy		4						
	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng		5						
	Trung tâm Y tế quận Hải An		4						
	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng		2						
	Trung tâm Y tế quận Kiến An		1						
	Viện Y Học Biển	2							
	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà - Hưng Yên	49				103	0,7	80,2
		Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	1						
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	3						
		Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hưng Yên	5						
		Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên	14						
		Bệnh viện Tâm thần Kinh Hưng Yên	28						
		Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	3						
	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng	4				80	0,5	42,7
		Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà - Thái Bình	46						
		Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân	1						
		Bệnh viện Đa khoa Lâm Hoa - Hưng Hà	3						
		Bệnh viện Đa khoa Phụ Dực	2						
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	4						
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàng An	1						
		Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Thái Bình	1						
		Bệnh viện Nhi Thái Bình	12						
		Bệnh viện Phụ Sản An Đức	1						
		Bệnh viện Tâm thần Thái Bình	2						
Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình		3							
Hà Nam	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam	8	16	0,1	18,3				
	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Nam	6							
	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hà Nam	1							
	Trung tâm Y tế huyện Duy Tiên	1							

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân				
Trung du và miền núi phía Bắc Số tỉnh: 14 Số bệnh viện: 133 Số báo cáo: 958	Nam Định	Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu	40	158	1,1	86,0				
		Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn - Nam Định	1							
		Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	8							
		Bệnh viện Phụ Sản tỉnh Nam Định	51							
		Bệnh viện Tâm thần Nam Định	53							
		Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định	1							
		Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy	1							
		Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	2							
		Trung tâm Y tế thành phố Nam Định	1							
		Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan				2	44	0,3%	43,7
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình				16			
			Bệnh viện Kim Sơn				2			
			Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Bình				18			
			Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình				4			
	Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh		1							
	Trung tâm Y tế thành phố Tam Điệp		1							
	Hà Giang		Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	1	50	0,3	56,4			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	10							
		Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	5							
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	4							
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	1							
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực huyện Yên Minh	5							
		Bệnh viện Đa khoa Quán Bạ	1							
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	5							
		Bệnh viện Đa khoa Vị Xuyên	10							
		Bệnh viện Điều Dưỡng và Phục hồi chức năng Hà Giang	2							
		Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Hà Giang	4							
		Bệnh viện Y dược cổ truyền Hà Giang	1							
		Phòng khám Đa khoa Khu vực Thông Nguyên - Hà Giang	1							
		Cao Bằng	Bệnh viện Đa khoa Hà Nội - Cao Bằng	1				12	0,1	22,1
			Bệnh viện Y học cổ truyền Cao Bằng	3						
	Trung tâm Y tế huyện Hòa An		2							
	Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình		6							
	Bắc Kạn	Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn	1	13	0,1	40,2				
		Trung tâm Y tế Bạch Thông	1							
		Trung tâm Y tế Chợ Đồn	3							
		Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	2							
		Trung tâm Y tế huyện Na Rì	1							
		Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn	2							
		Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm	1							
		Trung tâm Y tế thành phố Bắc Kạn	2							
	Tuyên Quang	Bệnh viện Đa Khoa Phương Bắc	1	11	0,1	13,7				
		Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	6							
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Tuyên Quang	3							
		Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn	1							
	Lào Cai	Bệnh viện Đa khoa Bảo Thắng	9	21	0,1	27,6				
		Bệnh viện Đa khoa Hưng Thịnh	1							
Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên		1								
Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn		2								
Bệnh viện Đa khoa thành phố Lào Cai		5								
Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai		3								
Yên Bái	Bệnh viện Đa khoa Hữu Nghị 103 Yên Bái	1	36	0,2	42,7					

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
	✓ Yên Bái	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	5			
		Bệnh viện Nội tiết Yên Bái	2			
		Bệnh viện Sản - Nhi Yên Bái	15			
		Bệnh viện Tâm thần Yên Bái	1			
		Bệnh viện Y Học Cổ Truyền Yên Bái	3			
		Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	1			
		Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	2			
		Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	1			
		Trung tâm Y tế Trấn Yên	5			
	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	15	173	1,2	130,7
		Bệnh viện C Thái Nguyên	12			
		Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	5			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	6			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Võ Nhai	4			
		Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	75			
		Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	1			
		Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	22			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Nguyên	3			
		Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	6			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Khoa - Đại Học Thái Nguyên	2			
		Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	5			
		Trung tâm Y tế huyện Phú Lương	9			
		Trung tâm Y tế thành phố Phổ Yên	1			
		Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên	2			
	Trung tâm Y tế Võ Nhai	5				
	Lạng Sơn	Bệnh viện Đa khoa Lạng Sơn	18	79	0,5	99,1
		Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Lạng Sơn	1			
		Bệnh viện Phổi Lạng Sơn	42			
		Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lạng Sơn	1			
		Trung tâm Y tế huyện Bình Gia	2			
		Trung tâm Y tế huyện Cao Lỗ	1			
		Trung tâm Y tế huyện Chi Lăng	2			
		Trung tâm Y tế huyện Đình Lập	1			
		Trung tâm Y tế huyện Tràng Định	2			
		Trung tâm Y tế huyện Văn Lãng	6			
		Trung tâm Y tế huyện Văn Quan	3			
	Bắc Giang	Bệnh viện Đa khoa Anh Quốc	2	244	1,6	130,1
		Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hà Nội - Bắc Giang	1			
		Bệnh viện Đa khoa Sông Thương	1			
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	45			
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Tân Dân	2			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bắc Giang	97			
		Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang	17			
Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Giang		23				
Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang		11				
Bệnh viện Y học cổ truyền Lan Q		8				
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang		4				
Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa		6				
Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang		1				
Trung tâm Y tế huyện Lục Nam		4				
Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn		5				
Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	7					

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân			
Miền Trung Số tỉnh: 19	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	1	161	1,1	106,8			
		Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng	3						
		Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	6						
		Phú Thọ Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	5						
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hùng Vương	22						
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Phú Thọ	7						
		Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ	4						
		Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê	54						
		Trung tâm Y tế huyện Đoan Hùng	23						
		Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa	5						
		Trung tâm Y tế huyện Lâm Thao	11						
		Trung tâm Y tế huyện Tân Sơn	6						
		Trung tâm Y tế huyện Thanh Ba	6						
		Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	5						
		Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy	4						
		Trung tâm Y tế huyện Yên Lập	9						
		Điện Biên Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên	26				61	0,4	97,6
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Điện Biên	3						
		Trung tâm Y tế huyện Điện Biên	2						
		Trung tâm Y tế huyện Mường Chà	2						
		Trung tâm Y tế huyện Nậm Pồ	13						
		Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	6						
		Trung tâm Y tế thành phố Điện Biên Phủ	7						
		Trung tâm Y tế thị xã Mường Lay	2						
		Lai Châu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu	2	12	0,1	25,1			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Lai Châu	1						
		Trung tâm Y tế huyện Than Uyên	9						
		Sơn La Bệnh viện Đa khoa Cuộc Sống	4	67	0,4	52,0			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên	4						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Mai Sơn	4						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Mường La	2						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên	3						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai	3						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Thuận Châu	1						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu	3						
		Bệnh viện Đa khoa Mộc Châu	4						
		Bệnh viện Đa khoa Sông Mã	3						
		Bệnh viện Đa khoa Tháo Nguyên Mộc Châu	14						
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Sơn La	21						
		Bệnh viện tâm thần tỉnh Sơn La	1						
		Hòa Bình Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thủy	1				18	0,1	20,6
		Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	3						
		Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	3						
		Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	9						
		Trung tâm Y tế Kim Bôi	2						
		Thanh Hóa Bệnh viện Đa khoa Đại Anh	1	206	1,4	55,4			
		Bệnh viện Đa khoa Hàm Rồng - Thanh Hóa	1						
		Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực Thanh Hóa	2						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước	10						
		Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Sơn	5						
Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	23								
Bệnh viện Đa khoa huyện Hoảng Hoá	2								

Khu vực		Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân				
Số bệnh viện: 236	Số tỉnh: 14		Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	1							
			Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	4							
			Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa	9							
	Số bệnh viện: 192		Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn	1							
			Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định	1							
			Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghi Sơn	3							
			Bệnh viện Đa khoa Tâm Đức Cầu Quan	5							
			Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa	4							
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	18							
			Bệnh viện Đa khoa Tri Đức Thành	5							
			Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Lộc	2							
			Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng Thanh Hóa	1							
			Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thanh Hóa	30							
			Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	37							
			Bệnh viện Nội Tiết Thanh Hóa	9							
			Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	2							
			Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa	29							
			Nhà thuốc Hào Quang	1							
			Nghệ An								
			Bệnh viện Chấn thương Chính hình Nghệ An	3				552	3,7	161,9	
		Bệnh viện Đa khoa An Phát	4								
		Bệnh viện Đa khoa Báo Sơn - Nghệ An	2								
		Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông	1								
		Bệnh viện Đa khoa Đô Lương	1								
		Bệnh viện Đa khoa huyện Diễn Châu	8								
		Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu	2								
		Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Chương	2								
		Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thành	7								
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	1								
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An	5								
		Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc	1								
		Bệnh viện Đa khoa Quang Khởi	4								
		Bệnh viện Đa khoa Quang Thành	4								
		Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh	6								
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Minh An	3								
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Phú Diễn	7								
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Thái An	6								
		Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	44								
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Nghệ An	119								
		Bệnh viện Mắt Nghệ An	1								
		Bệnh viện Nội Tiết Nghệ An	10								
		Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	2								
		Bệnh viện Quân Y 4	2								
		Bệnh viện Quốc tế Vinh	34								
		Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	114								
		Bệnh viện Tai Mũi Họng Miền Trung	3								
		Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	119								
		CTCP Bệnh viện 115	12								
		Trung tâm Huyết học - Truyền máu Nghệ An	1								
		Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn	3								
		Trung tâm Y tế huyện Hưng Nguyên	3								
		Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn	1								
		Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ	2								

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân	
		Trung tâm Y tế huyện Tương Dương	1	170	1,1	129,4	
		Trung tâm Y tế Nam Đàn	4				
		Trung tâm Y tế Nghĩa Đàn	6				
		Trung tâm Y tế thị xã Hoàng Mai	4				
		Hà Tĩnh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Xuyên				1
			Bệnh viện Đa khoa Đức Thọ				2
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh				10
			Bệnh viện Đa khoa Hồng Hà				4
			Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Khê				2
			Bệnh viện Đa khoa huyện Kỳ Anh				4
			Bệnh viện Đa khoa huyện Lộc Hà				9
			Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn - Hà Tĩnh				1
			Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh				34
			Bệnh viện Đa khoa TTH Hà Tĩnh				24
			Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh				49
			Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh				9
			Bệnh viện Y học Cổ truyền Hà Tĩnh				1
			Trung tâm Y tế huyện Can Lộc				8
			Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn				8
			Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh				1
			Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà				1
			Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh				2
		Quảng Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch				4
			Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy				2
			Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa				1
			Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình				6
			Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới				77
		Quảng Trị	Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị				8
			Bệnh viện Đa khoa Khu vực Triệu Hải				1
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị				62
			Trung tâm Y tế huyện Đakrông				1
			Trung tâm Y tế thành phố Đông Hà				2
		Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Chấn Thương Chỉnh Hình - Phẫu thuật Tạo Hình Huế				1
			Bệnh viện Đa khoa Bình Điền				1
			Bệnh viện Đa khoa Hoàng Việt Thắng				15
			Bệnh viện Giao Thông Vận Tải Huế				2
			Bệnh viện Lao - Bệnh phổi Thừa Thiên Huế				3
			Bệnh viện Mắt Huế				2
			Bệnh viện Phong - Da liễu Huế				3
			Bệnh viện Tâm thần Huế				36
			Bệnh viện Trung ương Huế				75
			Bệnh viện Trường Đại học Y Dược				51
			Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thừa Thiên Huế				1
			Trung tâm Y tế A Lưới				7
			Trung tâm Y tế Nam Đông				4
			Trung tâm Y tế Phong Điền				3
			Trung tâm Y tế Phú Vang				8
Trung tâm Y tế Quảng Điền	8						
Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy	9						
Đà Nẵng	Bệnh viện 199 (Tổng Cục Hậu Cần Bộ Công An)		38				
	Bệnh viện C Đà Nẵng	24					
	Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng	117					
			781	5,2	653,3		

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân				
		Bệnh viện Đa khoa Gia Đình	111							
		Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	155							
		Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	63							
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Bình Dân	5							
		Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	7							
		Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng thành phố Đà Nẵng	2							
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Đà Nẵng	3							
		Bệnh viện Mắt Đà Nẵng	2							
		Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Đà Nẵng	202							
		Bệnh viện Tâm Trí Đà Nẵng	5							
		Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	11							
		Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng	2							
		Trung tâm Y tế quận Hải Châu	13							
		Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	2							
		Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu	2							
		Trung tâm Y tế quận Cẩm Lệ	6							
		Trung tâm Y tế quận Sơn Trà	8							
		Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	3							
		Quảng Nam	Bệnh viện Bình An Quảng Nam				8	65	0,4	42,8
			Bệnh viện Đa khoa Khu vực Miền Núi Phía Bắc tỉnh Quảng Nam				1			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quảng Nam		4							
	Bệnh viện Đa khoa Minh Thiện		2							
	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn Tam Kỳ		3							
	Bệnh viện Đa khoa Thăng Hoa		2							
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam		4							
	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam		10							
	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Đức		20							
	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam		9							
	Trung tâm Y tế Duy Xuyên		1							
	Trung tâm Y tế Phước Sơn		1							
	Quảng Ngãi	Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm	3				37	0,2	29,7	
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Phúc Hưng	20							
		Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ngãi	4							
		Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	1							
		Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	5							
		Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà	4							
	Bình Định	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bồng Sơn	6				36	0,2	23,9	
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	7							
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định	6							
		Bệnh viện Phong - Đa Liễu Trung Ương Quy Hòa	8							
		Bệnh viện Tâm thần Bình Định	2							
		Trung tâm Y tế Hoài Nhơn	3							
		Trung tâm Y tế huyện An Nhơn	1							
		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	1							
		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	2							
	Phú Yên	Trung tâm Y tế huyện Tây Hòa	1				1	0,01	1,1	
	Khánh Hòa	Bệnh viện 22-12	6				236	1,6	189,1	
Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới tỉnh Khánh Hòa		2								
Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần Khánh Hòa		24								
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cam Ranh		9								
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ninh Hòa		30								
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang		38								

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân				
Số bệnh viện: 44 Số báo cáo: 254		Bệnh viện Đa Khoa Sài Gòn Nha Trang	16							
		Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Nha Trang	21							
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	54							
		Bệnh viện Đa Liễu Khánh Hòa	1							
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Khánh Hòa	3							
		Bệnh viện Mắt Sài Gòn - Nha Trang	8							
		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Khánh Hòa	5							
		Trung tâm Y tế Diên Khánh	5							
		Trung tâm Y tế huyện Vạn Ninh	1							
		Trung tâm Y tế Khánh Vĩnh	3							
		Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	10							
		Ninh Thuận	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn - Phan Rang				14	112	0,7	187,9
			Bệnh viện Giao Thông Vận Tải Tháp Chàm - Ninh Thuận				30			
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Ninh Thuận		21							
	Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Thuận		2							
	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận		35							
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải		3							
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước		4							
	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc		2							
	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm		1							
	Bình Thuận	Bệnh viện An Phước	3	42	0,3	33,7				
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Lagi	4							
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Nam Bình Thuận	17							
		Bệnh viện Đa khoa Tâm Phúc	6							
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	7							
		Bệnh viện Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng Bình Thuận	2							
		Trung tâm Y tế Hàm Tân	1							
		Trung tâm Y tế Hàm Thuận Nam	1							
		Trung tâm Y tế huyện Tánh Linh	1							
	Tây Nguyên	Kon Tum	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi	1	5	0,03	8,8			
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum	3						
			Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An	1						
	Gia Lai	Bệnh viện 331	2	53	0,4	33,8				
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	22							
		Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai	7							
		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Gia Lai	3							
		Bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai	1							
		Bệnh viện Tâm Thần Kinh Gia Lai	2							
		Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Gia Lai	1							
		Trung tâm Y tế Cao su Chư Prông	5							
		Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	1							
		Trung tâm Y tế Krông Pa	1							
		Trung tâm Y tế Mang Yang	1							
		Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	2							
Trung tâm Y tế thị xã An Khê		4								
Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa		1								
Đắk Lắk		Bệnh viện Đa khoa Khu vực 333	2				101	0,7	52,9	
		Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột	3							
		Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ	5							
		Bệnh viện Đa khoa tư nhân Thiện Hạnh	45							
	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	1								
	Bệnh viện Đại học Buôn Ma Thuột	23								

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Đắk Lắk	8	39	0,3	58,7			
		Bệnh viện Nhi Đức Tâm	4						
		Bệnh viện Nhi Tâm Đức	4						
		Trung tâm Y tế huyện Cư Kuin	1						
		Trung tâm Y tế huyện M'Đrắk	1						
		Trung tâm Y tế Krông Năng	4						
		Đắk Nông	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông				28		
			Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp				7		
			Trung tâm Y tế huyện Đắk Song				2		
			Trung tâm Y tế huyện Krông Nô				1		
			Trung tâm Y tế Yên Bình				1		
		Lâm Đông	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng				4	56	0,4
			Bệnh viện Hoàn Mỹ Đà Lạt	5					
			Bệnh viện II Lâm Đồng	18					
			Bệnh viện Nhi Lâm Đồng	4					
			Trung tâm Y tế Đơn Dương	10					
			Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai	2					
			Trung tâm Y tế huyện Đam Rông	4					
			Trung tâm Y tế huyện Di Linh	5					
			Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng	3					
			Trung tâm Y tế Lạc Dương	1					
			Miền Nam	Đông Nam Bộ	Bình Phước	Bệnh viện Đa khoa Cao Su Bình Long	8		
		Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Phước				4			
Bệnh viện Nhân Ái Bình Phước	11								
Trung tâm Y tế Phước Long - Bình Phước	1								
Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa Hồng Hưng	3			64	0,4	54,1		
	Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	2							
	Bệnh viện Đa khoa Tư Nhân Lê Ngọc Tùng	1							
	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Tây Ninh	58							
Bình Dương	Bệnh viện Công ty Cao Su Dầu Tiếng	3			200	1,3	77,0		
	Bệnh viện Đa khoa Châu Thành - Nam Tân Uyên	1							
	Bệnh viện Đa khoa Phương Chi	3							
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	48							
	Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	26							
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương	30							
	Bệnh viện Đa khoa Vạn Phúc 2	12							
	Bệnh viện Hoàn Hào Kei Mei Kai	1							
	Bệnh viện Hoàn Mỹ Vạn Phúc 1	20							
	Bệnh viện Phụ sản Nhi Bình Dương	9							
	CTCP Bệnh viện Mỹ Phước	2							
	Khu Điều Trị Phong Bẩn Sản Bình Dương	23							
	Trung tâm Y tế huyện Dầu Tiếng	2							
	Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo	7							
	Trung tâm Y tế thành phố Dĩ An	5							
Trung tâm Y tế thị xã Tân Uyên	8								
Đông Nai	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	33	362	2,4	114,2				
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Định Quán	7							
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh	30							
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành	22							
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thống Nhất Đồng Nai	19							
	Bệnh viện Đại học Y Dược ShingMark	1							
	Bệnh viện Đồng Nai 2	21							
Số tỉnh: 19	Số tỉnh: 6								
Số bệnh viện: 299	Số bệnh viện: 153								
Số bảo cáo: 7472	Số bảo cáo: 5836								

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Hoàn Mỹ Quốc tế Đồng Nai	176	86	0,6	73,1
		Bệnh viện ITO Sài Gòn - Đồng Nai	14			
		Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	39			
		Bệnh viện Bà Rịa	11			
		Bệnh viện Đa khoa Vạn Phước	3			
		Bệnh viện Mắt tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	9			
		Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	5			
		Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2			
		Bệnh viện Vũng Tàu	41			
		Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	1			
		Trung tâm Y tế Châu Đức	3			
		Trung tâm Y tế huyện Đất Đỏ	2			
		Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc	2			
		Trung tâm Y tế Long Điền	7			
		TP. Hồ Chí Minh	Bệnh tư nhân Mắt Sài Gòn II - TP. Hồ Chí Minh			
	Bệnh viện 30/4 - Thành phố Hồ Chí Minh		6			
	Bệnh viện An Bình		11			
	Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới		105			
	Bệnh viện Bình Dân Thành Phố Hồ Chí Minh		404			
	Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình		79			
	Bệnh viện Chợ Rẫy		98			
	Bệnh viện Chuyên khoa Ngoại Thần Kinh Quốc Tế		43			
	Bệnh viện chuyên khoa phẫu thuật thẩm mỹ Quốc tế Thảo Điền		2			
	Bệnh viện chuyên khoa phẫu thuật TM&TM AVA		1			
	Bệnh viện CK PTTM Hàn Quốc Kim hospital		1			
	Bệnh viện Đa khoa An Sinh		16			
	Bệnh viện Đa khoa Bưu Điện		2			
	Bệnh viện Đa khoa Đức Khang		1			
	Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn		63			
	Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức III		7			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi		23			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn		2			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức		240			
	Bệnh viện Đa khoa Lê Văn Việt		7			
	Bệnh viện Đa khoa Mắt Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh		14			
	Bệnh viện Đa khoa Mỹ Đức		14			
	Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế DNA		3			
	Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Hạnh Phúc - TP. Hồ Chí Minh		1			
	Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Hoàn Mỹ Thủ Đức		50			
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Nam Sài Gòn		4			
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park		119			
	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn		3			
	Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh - Thành phố Hồ Chí Minh		212			
	Bệnh viện Đa khoa Tân Hưng		9			
	Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh		104			
	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Thành phố Hồ Chí Minh		23			
	Bệnh viện Da Liễu Thành phố Hồ Chí Minh	72				
Bệnh viện Đại Học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	313					
Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng - DT Bệnh Nghề Nghiệp	2					
Bệnh viện FV	47					
Bệnh viện Gaya Việt Hàn	4					

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
		Bệnh viện Gò Vấp	8			
		Bệnh viện Hùng Vương	236			
		Bệnh viện huyện Bình Chánh	6			
		Bệnh viện huyện Củ Chi	12			
		Bệnh viện huyện Nhà Bè	4			
		Bệnh viện Mắt kỹ thuật cao Phương Nam	4			
		Bệnh viện Mắt Quốc tế Hoàn Mỹ Sài Gòn	2			
		Bệnh viện Mắt Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh	2			
		Bệnh viện Mắt Sài Gòn Ngô Gia Tự - TP. Hồ Chí Minh	1			
		Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh	6			
		Bệnh viện Mỹ Đức Phú Nhuận	14			
		Bệnh viện Nguyễn Trãi	29			
		Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	170			
		Bệnh viện Nhân Dân 115	51			
		Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	279			
		Bệnh viện Nhi Đồng I	164			
		Bệnh viện Nhi Đồng II	105			
		Bệnh viện Nhi Đồng Thành phố Hồ Chí Minh	91			
		Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	233			
		Bệnh viện Phẫu thuật thẩm mỹ Ngô Mộng Hùng	1			
		Bệnh viện Phụ Sản MêKông	55			
		Bệnh viện Phụ Sản Quốc Tế Sài Gòn	11			
		Bệnh viện Phục hồi chức năng - điều trị bệnh nghề nghiệp - Thành phố Hồ Chí Minh	5			
		Bệnh viện quận 11	61			
		Bệnh viện quận 2	33			
		Bệnh viện quận 4	8			
		Bệnh viện quận 7	6			
		Bệnh viện quận 8	23			
		Bệnh viện quận Bình Tân	72			
		Bệnh viện quận Bình Thạnh	16			
		Bệnh viện quận Phú Nhuận	5			
		Bệnh viện quận Tân Phú	14			
		Bệnh viện Quân Y 175 - Thành phố Hồ Chí Minh	13			
		Bệnh viện Quốc Ánh	5			
		Bệnh viện Quốc tế City	17			
		Bệnh viện Quốc tế Columbia Asia Gia Định	2			
		Bệnh viện Quốc tế Minh Anh	2			
		Bệnh viện Quốc tế Mỹ	34			
		Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thành phố Hồ Chí Minh	2			
		Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Thành phố Hồ Chí Minh	9			
		Bệnh viện Sài Gòn ITO Phú Nhuận	6			
		Bệnh viện Saigon - ITO	10			
		Bệnh viện Tai Mũi Họng Sài Gòn	39			
		Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Hồ Chí Minh	78			
		Bệnh viện Tâm thần - TP. Hồ Chí Minh	33			
		Bệnh viện Tân Bình	5			
		Bệnh viện Thẩm mỹ Á Âu	1			
		Bệnh viện Thẩm mỹ Đông Á	1			
		Bệnh viện Thẩm mỹ Hàn Quốc JW	3			
		Bệnh viện Thẩm mỹ Kangnam	1			
		Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika	3			

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
Đông bàng sông Cửu Long Số tỉnh: 13 Số bệnh viện: 146 Số bảo cáo: 1636		Bệnh viện Thẩm mỹ Quốc tế JT Angel	2			
		Bệnh viện Thẩm mỹ Việt Mỹ	3			
		Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	89			
		Bệnh viện Thống Nhất	292			
		Bệnh viện Tim Tâm Đức	33			
		Bệnh viện Triều An	3			
		Bệnh viện Trung Vương	28			
		Bệnh viện Truyền Máu Huyết Học Thành phố Hồ Chí Minh	23			
		Bệnh viện Từ Dũ	310			
		Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh	32			
		Bệnh viện Y học Cổ truyền Thành phố Hồ Chí Minh	21			
		Bệnh viện Răng Hàm Mặt thẩm mỹ Paris	1			
		Công ty TNHH Bệnh viện Gia An 115	10			
		Phòng khám Đa khoa Quốc tế Sài Gòn-TP. Hồ Chí Minh	6			
		Trung tâm Y tế quận 10	8			
		Trung tâm Y tế quận 5	3			
		Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh	135			
		Viện Y dược học dân tộc	4			
	Long An	Bệnh viện Đa khoa Long An	22	48	0,3	27,8
	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Long An	13				
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Long An	7				
	Bệnh viện Sản Nhi TWG Long An	2				
	Bệnh viện TWG Long An	2				
	Trung tâm Y tế huyện Tân Hưng	1				
	Trung tâm Y tế huyện Tân Thạnh	1				
	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy	13	33	0,2	18,5
	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang	18				
	Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy	2				
	Bến Tre	Bệnh viện Đa khoa Ba Trĩ	6	213	1,4	164,4
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cù Lao Minh	11				
	Bệnh viện Đa khoa Minh Đức	4				
	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Bến Tre	11				
	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	124				
	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành - Bến Tre	53				
	Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách	1				
	Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm	3				
	Trà Vinh	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cầu Ngang	1	11	0,1	10,8
	Bệnh viện Đa khoa Tiểu Cần	1				
	Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh	5				
	Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh	2				
	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	2				
	Vĩnh Long	Bệnh viện Đa khoa huyện Long Hồ	1	13	0,1	12,6
Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Vĩnh Long	2					
Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Vĩnh Long	1					
Trung tâm Y tế Tam Bình	3					
Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Long	1					
Trung tâm Y tế Trà Ôn	5					
Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp	48	94	0,6	58,7	
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hồng Ngự	1					
Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	10					
Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Đồng Tháp	5					
Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng tỉnh Đồng Tháp	1					

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân			
		Bệnh viện Phổi Đồng Tháp	1	460	3,1	240,9			
		Bệnh viện Phương Châu Sa Đéc - Đồng Tháp	11						
		Trung tâm Y tế Châu Thành - Đồng Tháp	1						
		Trung tâm Y tế huyện Lai Vung	6						
		Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò	5						
		Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng	1						
		Trung tâm Y tế Tam Nông Đồng Tháp	4						
	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Bình Dân	3						
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu	36						
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh An Giang	27						
		Bệnh viện Đa khoa Nhật Tân	21						
		Bệnh viện Đa khoa thị xã Tân Châu	4						
		Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	90						
		Bệnh viện Hạnh Phúc	8						
		Bệnh viện Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt An Giang	13						
		Bệnh viện Mắt Long Xuyên	1						
		Bệnh viện Sản Nhi An Giang	81						
		Bệnh viện Tim Mạch An Giang	8						
		Trung tâm Y tế huyện An Phú	14						
		Trung tâm Y tế huyện Châu Phú	10						
		Trung tâm Y tế huyện Châu Thành - An Giang	18						
		Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	29						
		Trung tâm Y tế huyện Phú Tân An Giang	33						
		Trung tâm Y tế huyện Thoại Sơn	14						
		Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	1						
		Trung tâm Y tế huyện Tri Tôn	8						
		Trung tâm Y tế thành phố Châu Đốc	2						
		Trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên	39						
		Kiên Giang	Bệnh viện Bình An				1	54	0,4
	Bệnh viện Đa khoa Hòn Đất		2						
	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang		5						
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc		12						
	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Kiên Giang		1						
	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang		7						
	Trung tâm Y tế huyện An Biên		1						
	Trung tâm Y tế huyện An Minh		2						
	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng		5						
	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao		4						
	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất		2						
Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	1								
Trung tâm Y tế Phú Quốc	4								
Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	6								
Trung tâm Y tế U Minh Thượng	1								
Cần Thơ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Hảo Medic Cần Thơ		2	327	2,2	262,2			
	Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	49							
	Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt	13							
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ	1							
	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	25							
	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	9							
	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Cần Thơ	60							
	Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ	1							
	Bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ	4							

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi thành phố Cần Thơ	21			
		Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ	20			
		Bệnh viện Phụ Sản Quốc Tế Phương Châu – Cần Thơ	8			
		Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	9			
		Bệnh viện Quân Dân Y thành phố Cần Thơ	13			
		Bệnh viện Quân Y 121	4			
		Bệnh viện Quốc Tế Phương Châu	29			
		Bệnh viện Tai Mũi Họng Cần Thơ	11			
		Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	2			
		Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	22			
		Trung tâm Y tế huyện Phong Điền	18			
		Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	6			
		Hậu Giang	Bệnh viện Đa khoa Số 10			
	Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy		2			
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang		7			
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Hậu Giang		2			
	Trung tâm Y tế Châu Thành - Hậu Giang		4			
	Trung tâm Y tế thành phố Vị Thanh		1			
	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	1	138	0,9	114,4
		Bệnh viện Chuyên khoa 27 tháng 2 Sóc Trăng	11			
		Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi Sóc Trăng	14			
		Bệnh viện Đa khoa Hoàng Tuấn thành phố Sóc Trăng	3			
		Bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng	9			
		Bệnh viện Đa khoa thành phố Sóc Trăng	1			
		Bệnh viện Quân Dân Y tỉnh Sóc Trăng	17			
		Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	9			
		Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung - Sở Y tế Sóc Trăng	9			
		Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	4			
		Trung tâm Y tế huyện Long Phú	16			
		Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	9			
		Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	3			
		Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	17			
	Trung tâm Y tế thị xã Ngã Năm	10				
	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	6	192	1,3	209,0
		Bệnh viện Chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bạc Liêu	4			
		Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	32			
		Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	1			
		Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ Medic	21			
		Bệnh viện Quân dân Y Bạc Liêu	2			
		Trung tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bạc Liêu	9			
		Trung tâm Y tế Đông Hải	2			
		Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình - Bạc Liêu	13			
		Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân	35			
		Trung tâm Y tế huyện Phước Long - Bạc Liêu	19			
		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	9			
		Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	4			
	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	41				
	Cà Mau	Bệnh viện Cà Mau	3	35	0,2	29,0
		Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Minh Hải	9			
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cái Nước	2			
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Đầm Dơi	3			
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Trần Văn Thời	2			

Khu vực	Tỉnh/ thành phố	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Số BC theo đơn vị	Số BC theo tỉnh	Tỷ lệ BC theo tỉnh (%)	Số BC/1 triệu dân
		Bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau	1			
		Bệnh viện Medic Cà Mau	1			
		Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau	8			
		Bệnh viện Y học cổ truyền Cà Mau	1			
		Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần - Cà Mau	1			
		Trung tâm Y tế huyện Phú Tân Cà Mau	2			
		Trung tâm Y tế huyện Thới Bình	1			
		Trung tâm Y tế huyện U Minh	1			

* Dân số tính theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê năm 2021.

• Về tình hình gửi báo cáo của các đơn vị y tế ở các tỉnh/thành phố.

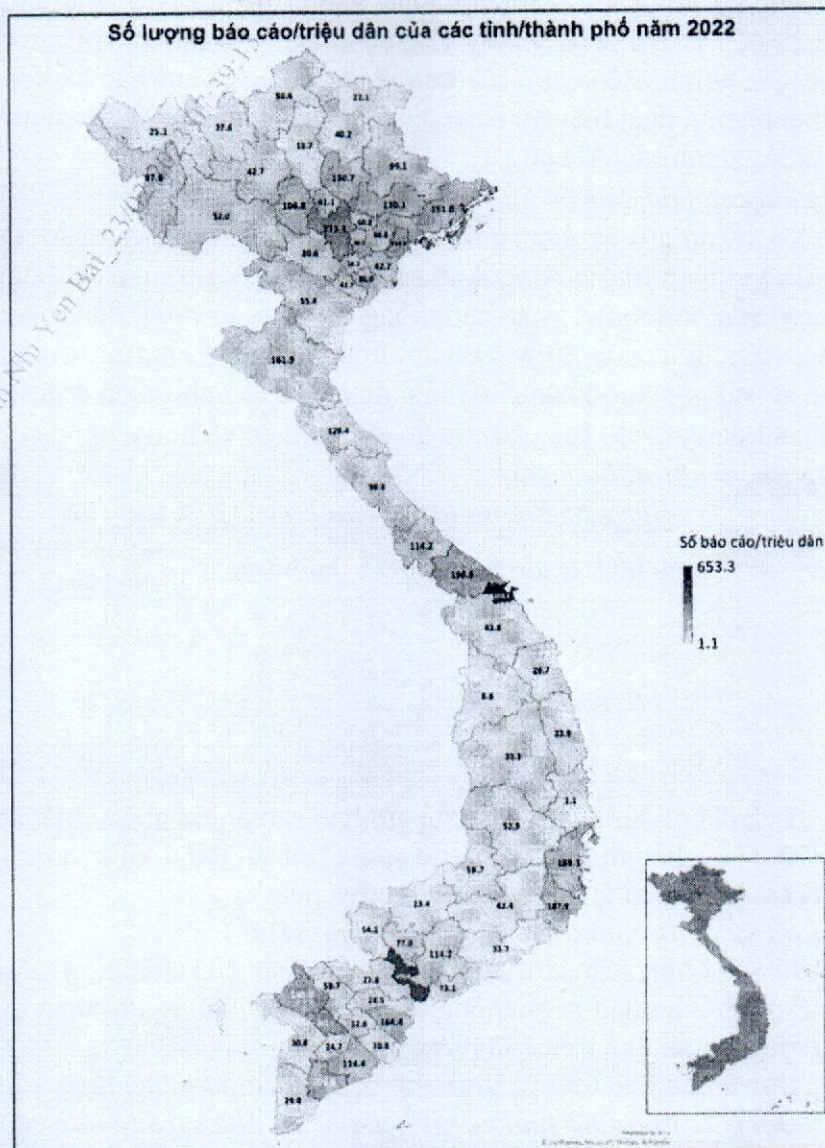
+ Tất cả 63 tỉnh/thành phố đã tham gia gửi báo cáo ADR trong năm 2022.

+ Các tỉnh thành gửi nhiều báo cáo nhất được thống kê trong bảng 4. Trong đó, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội có tỷ lệ báo cáo cao nhất chiếm tỷ lệ tương ứng 34,1% và 15,2% tổng số báo cáo của tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh. Thành phố Đà Nẵng là địa phương có công tác báo cáo ADR hiệu quả nhất với số báo cáo/1 triệu dân đạt 663,3 báo cáo/1 triệu dân. Các địa phương có công tác báo cáo ADR hiệu quả đáp ứng tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới (200 báo cáo/1 triệu dân) bao gồm thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang, thành phố Hải Phòng và tỉnh Bạc Liêu với số báo cáo/1 triệu dân tương ứng là 653,3; 556,4; 273,3; 262,2; 240,9; 210,4 và 209.

Bảng 4: Danh sách 10 tỉnh/thành phố gửi báo cáo ADR nhiều nhất

STT	Tỉnh/Thành phố	Số báo cáo	Số báo cáo/ 1 triệu dân*	Tỷ lệ (%) N=14942
1	TP. Hồ Chí Minh	5100	556,4	34,1
2	Hà Nội	2277	273,3	15,2
3	Đà Nẵng	781	653,3	5,2
4	Nghệ An	552	161,9	3,7
5	An Giang	460	240,9	3,1
6	Hải Phòng	436	210,4	2,9
7	Đồng Nai	362	114,2	2,4
8	Cần Thơ	327	262,2	2,2
9	Bắc Giang	244	130,1	1,6
10	Khánh Hòa	236	189,1	1,6

* Dân số tính theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê năm 2021.



Hình 3: Số lượng báo cáo/1 triệu dân của các tỉnh/thành phố năm 2022

+ Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh đã phát hiện và gửi báo cáo ADR là 847, danh sách các đơn vị gửi nhiều báo cáo nhất được liệt kê trong bảng 5.

Bảng 5: Danh sách 10 bệnh viện gửi báo cáo nhiều nhất

STT	Đơn vị gửi báo cáo	Tỉnh/Thành phố	Số báo cáo	Tỷ lệ (%) N=14942
1	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	404	2,7
2	Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	313	2,1
3	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Hà Nội	312	2,1
4	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh	310	2,1
5	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	292	2,0
6	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	279	1,9
7	Bệnh viện Phổi Trung ương	Hà Nội	246	1,6
8	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	240	1,6
9	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh	236	1,6
10	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	233	1,6

Với việc triển khai tích cực công tác theo dõi phản ứng có hại của thuốc, bệnh viện Bình Dân, bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và bệnh viện Trung ương Quân đội

108 đã đóng góp số lượng lớn báo cáo ADR vào cơ sở dữ liệu phản ứng có hại của thuốc trong năm 2022 (2,7%; 2,1% và 2,1%). Các bệnh viện gửi nhiều báo cáo chủ yếu tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh các đơn vị đã tham gia gửi báo cáo, vẫn còn nhiều cơ sở khám, chữa bệnh chưa phát hiện và báo cáo ADR trong năm 2022 theo quy định của Bộ Y tế (không nằm trong danh sách ở bảng 4).

• *Về chất lượng báo cáo*

Đa số báo cáo gửi về đều có đầy đủ các thông tin yêu cầu bao gồm thông tin người bệnh, thông tin về phản ứng có hại, thông tin về thuốc nghi ngờ và thông tin về người báo cáo. Tuy nhiên, vẫn còn một số báo cáo thông tin chưa rõ ràng, còn viết tắt và viết khó đọc gây khó khăn trong quá trình xử lý và thẩm định. Một số thông tin chưa được báo cáo hoặc được báo cáo sơ sài gây khó khăn cho thẩm định báo cáo như diễn biến ADR sau khi ngừng thuốc hoặc tại sử dụng thuốc (nếu có), lý do dùng thuốc và liều dùng của thuốc.

1.1.3. Thông tin về người báo cáo

Bảng 6: Thông tin về cán bộ y tế gửi báo cáo

Cán bộ y tế gửi báo cáo	Số lượng	Tỷ lệ (%) N=14942
Dược sĩ	7530	50,4
Bác sĩ - Y sĩ	3780	25,3
Điều dưỡng - Nữ hộ sinh	2805	18,8
Khác	250	1,7
Không có thông tin	577	3,9

Dược sĩ vẫn là nhóm nhân viên y tế gửi báo cáo nhiều nhất, chiếm 50,4%, tiếp theo là bác sĩ - y sĩ (25,3%), điều dưỡng và nữ hộ sinh (18,8%). Như vậy, vai trò của dược sĩ trong công tác báo cáo ADR tiếp tục được chú trọng và phát huy.

1.1.4. Thông tin về bệnh nhân trong các báo cáo ADR

Trong số 14942 báo cáo có 102 báo cáo liên quan đến chất lượng thuốc, trong đó thuốc chưa sử dụng trên bệnh nhân hoặc thông tin bệnh nhân không thu thập được. Vì vậy, thông tin bệnh nhân được thống kê trên 14840 báo cáo.

Thông tin về phân bố tuổi và giới tính bệnh nhân được thể hiện trong bảng 7.

Bảng 7: Phân bố tuổi và giới của bệnh nhân trong báo cáo

Phân bố	Số lượng	Tỷ lệ (%) n=14840
Tuổi		
≤ 1 tuổi	575	3,9
>1 - 12 tuổi	1733	11,7
>12 - 18 tuổi	542	3,7
>18 - 60 tuổi	8271	55,7
>60 tuổi	3590	24,2
Không có thông tin	129	0,9
Giới		
Nữ	8473	57,1
Nam	6224	41,9
Không có thông tin	143	1,0
Tỷ lệ nữ : nam	1,4	

ADR thường được ghi nhận nhiều nhất ở nhóm đối tượng người trưởng thành từ 18-60 tuổi (chiếm 55,7%); tiếp theo là đối tượng người cao tuổi (> 60 tuổi) (24,2%); ADR ở trẻ em từ 1 đến 12 tuổi và trẻ dưới 1 tuổi cũng chiếm một tỷ lệ đáng lưu ý tương ứng là 11,7%

và 3,9%. Nữ giới được ghi nhận có tỷ lệ gặp ADR (57,1%) cao hơn so với nam giới. Các đặc điểm này cũng tương tự các năm trước đó.

1.2. Thông tin về thuốc nghi ngờ gây ADR

Trong 14942 báo cáo có 102 báo cáo về chất lượng thuốc và 1 báo cáo loại khác (mỹ phẩm), do đó thông tin về thuốc nghi ngờ được thống kê trên 14739 báo cáo, tương ứng với 17820 thuốc nghi ngờ (tỷ lệ 1,2 thuốc/1 báo cáo).

1.2.1. Tổng hợp phân loại báo cáo ADR theo đường dùng thuốc

Bảng 8: Tổng hợp báo cáo ADR theo đường dùng thuốc

STT	Đường dùng	Số lượng	Tỷ lệ (%) (n=14739)
1	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	9679	65,7
2	Uống	5023	34,1
3	Tiêm bắp	856	5,8
4	Thuốc đặt	621	4,2
5	Tiêm dưới da	110	0,7
6	Test da	103	0,7
7	Khác	799	5,4
8	Không có thông tin	629	4,3

Phản ứng có hại xảy ra với hầu hết các đường dùng thuốc. Tuy nhiên, phản ứng có hại xảy ra khi dùng thuốc bằng đường tiêm, truyền tĩnh mạch chiếm tỷ lệ cao nhất (65,7%), tiếp theo là đường uống (34,1%). Đáng lưu ý, vẫn còn tỷ lệ đáng kể báo cáo thiếu thông tin về đường dùng thuốc (chiếm 4,3%).

1.2.2. Tổng hợp phân loại các nhóm thuốc nghi ngờ gây ADR theo nhóm dược lý

Bảng 9: Các nhóm thuốc nghi ngờ gây ADR

Mã phân loại ATC	Nhóm thuốc	Số lượng	Tỷ lệ (%) (n=14739)
J	Kháng khuẩn tác dụng toàn thân	9991	67,8
M	Hệ cơ - xương	1494	10,1
N	Hệ thần kinh	1470	10,0
L	Thuốc chống ung thư và điều hoà miễn dịch	1174	8,0
A	Đường tiêu hóa và chuyển hóa	706	4,8
B	Máu và cơ quan tạo máu	597	4,1
C	Hệ tim mạch	530	3,6
H	Các chế phẩm hormon dùng đường toàn thân, trừ hormon sinh dục và insulin	190	1,3
G	Hệ sinh dục tiết niệu và các hormon sinh dục	186	1,3
R	Hệ hô hấp	114	0,8
S	Cơ quan cảm thụ	68	0,5
P	Thuốc kháng kí sinh trùng và côn trùng	59	0,4
D	Da liễu	20	0,1
V	Các thuốc khác	718	4,9
U	Không rõ	503	3,4

Nhóm thuốc kháng khuẩn dùng đường toàn thân là nhóm thuốc được báo cáo nhiều nhất (67,8%). Tiếp theo là nhóm thuốc tác dụng trên hệ cơ xương chiếm tỷ lệ 10,1%, nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh chiếm tỷ lệ 10,0%.

1.2.3. Nhóm dược lý được báo cáo nhiều nhất

Bảng 10: Các nhóm dược lý được báo cáo nhiều nhất

Mã phân loại ATC	Nhóm thuốc	Số lượng	Tỷ lệ (%) (n=14739)
J01D	Kháng sinh beta-lactam khác (bao gồm cephalosporin thế hệ từ 1 đến 4, carbapenem)	4533	30,8
M01A	Thuốc chống viêm, chống thấp khớp	1256	8,5
J01M	Kháng sinh nhóm quinolon	1173	8,0
J01C	Kháng sinh họ beta-lactam, nhóm penicillin	1144	7,8
J04A	Thuốc điều trị lao	997	6,8
J01X	Kháng sinh nhóm khác (bao gồm kháng sinh nhóm glycopeptid, các polymyxin, dẫn chất 5 nitro-imidazol, ...)	930	6,3
V08A	Thuốc cản quang chứa iod	611	4,1
L01X	Thuốc điều trị ung thư khác	523	3,5
N02B	Thuốc giảm đau và hạ sốt khác	428	2,9
N05A	Thuốc chống loạn thần	324	2,2

Các kháng sinh nhóm beta-lactam khác (cephalosporin thế hệ từ 1 đến 4, carbapenem) là nhóm kháng sinh có tỷ lệ báo cáo nhiều nhất (30,8%). Tiếp theo là nhóm thuốc chống viêm, chống thấp khớp (8,5%) và kháng sinh nhóm quinolon (8,0%).

1.2.4. Thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất

Các thuốc nghi ngờ gây ADR được báo cáo nhiều nhất được trình bày trong bảng 11.

Bảng 11: Danh sách 10 thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất

STT	Tên thuốc	Số lượng	Tỷ lệ (%) (n=14739)
1	Ceftriaxon	1166	7,9
2	Diclofenac	782	5,3
3	Cefotaxim	763	5,2
4	Vancomycin	596	4,0
5	Ciprofloxacin	567	3,8
6	Cefoperazon	523	3,5
7	Levofloxacin	425	2,9
8	Cefazolin	398	2,7
9	Ampicilin/sulbactam	393	2,7
10	Amoxicilin/chất ức chế betalactamase	350	2,4

Các thuốc nghi ngờ gây phản ứng có hại xuất hiện nhiều nhất trong các báo cáo ADR thuộc 2 nhóm chính: kháng sinh (ceftriaxon, cefotaxim, vancomycin, ciprofloxacin, cefoperazon, levofloxacin, cefazolin, ampicilin/sulbactam và amoxicilin/chất ức chế betalactamase) và nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (diclofenac). Ceftriaxon là thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất với tỷ lệ 7,9%.

II. BÁO CÁO ADR TỪ CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM

Trong năm 2022, 60 cơ sở kinh doanh dược đã gửi báo cáo ADR đơn lẻ, 67 đơn vị sản xuất và kinh doanh dược phẩm đã gửi báo cáo tổng hợp định kỳ (PSUR, PBRER...) và 71 cơ sở kinh doanh dược đã gửi báo cáo an toàn (2A, 2B) về Trung tâm Quốc gia/khu vực về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc.

2.1. Số lượng báo cáo

2.1.1. Báo cáo đơn lẻ

Tổng số báo cáo ADR xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam thu nhận được là 2711 (giảm 8,7% so với năm 2021) từ 60 cơ sở kinh doanh dược. Thông tin về số lượng báo cáo ADR ghi nhận tại Việt Nam được trình bày trong bảng 12.

Bảng 12: Số lượng báo cáo ADR được gửi đến từ các cơ sở kinh doanh dược

STT	Cơ sở kinh doanh dược	Số báo cáo	Tỷ lệ % (N=2711)
1	VPĐD Orient Europharma Pte Ltd	661	24,38
2	VPĐD Hoffmann La Roche Ltd	547	20,18
3	VPĐD Novartis Pharma Services AG	487	17,96
4	VPĐD Bayer (Southeast Asia) Pte Ltd	170	6,27
5	VPĐD Johnson & John (Vietnam) Ltd	97	3,58
6	VPĐD Pfizer (Thailand) Ltd	92	3,39
7	VPĐD Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd	80	2,95
8	VPĐD Astellas Pharma Singapore Pte Ltd	78	2,88
9	VPĐD Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd. tại TP. Hồ Chí Minh	56	2,07
10	Công ty Sanofi - Aventis Việt Nam	53	1,95
11	VPĐD Sanofi Pasteur SA	45	1,66
12	Công ty Fresenius Kabi Việt Nam	35	1,29
13	VPĐD Boehringer Ingelheim Int GmbH	28	1,03
14	VPĐD A Menarini Singapore Pte Ltd	28	1,03
15	VPĐD Hyphens Pharma Pte Ltd	27	1,00
16	VPĐD GlaxoSmithKline Pte Ltd	26	0,96
17	Công ty CPDP Trung ương CPC1	23	0,85
18	VPĐD Eli Lilly	19	0,70
19	VPĐD Baxter Healthcare (Asia) Pte Ltd	16	0,59
20	Công ty Aspen Dublin, Ireland	10	0,37
21	VPĐD Baxalta Singapore Pte Ltd	10	0,37
22	VPĐD Merck Export GmbH	9	0,33
23	VPĐD Merck KGaA	8	0,30
24	VPĐD Egis Pharmaceuticals Private Limited tại TP HCM	8	0,30
25	VPĐD Ipsen Pharma	6	0,22
26	VPĐD Gedeon Richter Plc	6	0,22
27	VPĐD Allergan Inc	6	0,22
28	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	5	0,18
29	VPĐD LifePharma S.P.A tại TP. Hồ Chí Minh	5	0,18
30	VPĐD Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd	4	0,15
31	VPĐD Abbott Laboratories SA	4	0,15
32	Công ty TNHH Zuellig Pharma Việt Nam	4	0,15
33	VPĐD Ferring Pharmaceuticals Ltd	4	0,15
34	Công ty UPSA SAS	4	0,15
35	Công ty Septodont S.A.S	4	0,15
36	VPĐD AbbVie BioPharmaceuticals GmbH	3	0,11
37	VPĐD Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte Ltd	3	0,11
38	VPĐD I.R.I.S Marie-Dominique Fratacci-Sibille Institut de Recherches Internationales Servier	3	0,11

STT	Cơ sở kinh doanh dược	Số báo cáo	Tỷ lệ % (N=2711)
39	VPDD Novo Nordisk Pharma Operations A/S	3	0,11
40	CTCP Dược Hậu Giang	3	0,11
41	CTCP Dược phẩm Vinpharco	3	0,11
42	Công ty Adamed Pharma S.A	3	0,11
43	Công ty Amgen Asia Holding Ltd	2	0,07
44	VPDD AstraZeneca Singapore Pte Ltd	2	0,07
45	VPDD Teva Pharmaceuticals	2	0,07
46	Công ty TopRidge Pharma Limited	2	0,07
47	Công ty Panpharma	2	0,07
48	Công ty Actelion Pharmaceuticals US, Inc	2	0,07
49	Công ty TNHH Medochemie	2	0,07
50	Công ty Hameln Pharma Ltd	1	0,04
51	VPDD Glenmark	1	0,04
52	VPDD Reckitt Benckiser	1	0,04
53	VPDD Torrent Pharmaceuticals Ltd	1	0,04
54	VPDD Bharat serums and vaccines limited	1	0,04
55	CTCP Imexpharm Bình Dương	1	0,04
56	CTCP Otsuka OPV	1	0,04
57	Công ty Haleon for healthy with humanity	1	0,04
58	VPDD Otsuka Pharmaceutical Co Ltd	1	0,04
59	Công ty TNHH Viatris Việt Nam	1	0,04
60	Công ty TNHH Hisamitsu	1	0,04

2.1.2. Báo cáo tổng hợp định kỳ

Tính đến ngày 31/12/2022, đã có 67 cơ sở kinh doanh dược đã gửi báo cáo tổng hợp định kỳ (báo cáo PSUR, PBRER - báo cáo cập nhật về độ an toàn theo chu kỳ sản phẩm hoặc báo cáo tổng hợp ADR theo mẫu 02 kèm theo công văn số 2224/QLD-TT do Cục Quản lý Dược ban hành) và 71 cơ sở kinh doanh dược gửi báo cáo định kỳ theo mẫu 2A, 2B của Thông tư 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Danh sách các đơn vị đã gửi báo cáo được tổng hợp trong bảng 13.

Bảng 13: Danh sách cơ sở kinh doanh dược đã gửi báo cáo ADR tổng hợp năm 2022

STT	Cơ sở kinh doanh dược	STT	Cơ sở kinh doanh dược
Báo cáo 2A, 2B		Báo cáo PSUR, PBRER	
1	Công ty CP Dược Hậu Giang	1	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam
2	Công ty CP Dược MK Việt Nam	2	Công ty CPDP Otsuka Việt Nam
3	Công ty CP Dược Nature Việt Nam	3	Công ty Ferrer Internacional, S.A.
4	Công ty CP Dược phẩm 2/9	4	Công ty ModernaTX, Inc.
5	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	5	Công ty Otsuka Pharmaceutical Development & Commercialization Inc.
6	Công ty CP GIONG Việt Nam	6	Công ty Otsuka Pharmaceutical Factory, Inc.
7	Công ty CP Hậu Giang	7	Công ty Roussel Việt Nam
8	Công ty CP Sanofi Việt Nam	8	Công ty Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne Polfa S.A.
9	Công ty CP Tập đoàn Dược phẩm & Thương mại Sohaco	9	Công ty TNHH Astellas Pharma Việt Nam
10	Công ty CP tập đoàn Merap	10	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam
11	Công ty CP Trapaco	11	Công ty TNHH Bayer Việt Nam
12	Công ty CP Y học Rạng Đông	12	Công ty TNHH Bbraun Việt Nam
13	Công ty CP Y tế Đức Minh	13	Công ty TNHH DKSH PHARMA Việt Nam

STT	Cơ sở kinh doanh được Báo cáo 2A, 2B
14	Công ty CPDP Ampharco USA
15	Công ty CPDP Boston Việt Nam
16	Công ty CPDP Duy Tân
17	Công ty CPDP Imexpharm
18	Công ty CPDP Liviat
19	Công ty CPDP Medbolide
20	Công ty CPDP Nam Hà
21	Công ty CPDP Pha No
22	Công ty CPDP Savi (Savipharm JSC)
23	Công ty CPDP Thuận Thành
24	Công ty liên doanh Meyer-BPC
25	Công ty Sanofi Pasteur
26	Công ty TNHH Abott Healthcare Việt Nam
27	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam
28	Công ty TNHH BRV Healthcare
29	Công ty TNHH Dược phẩm Bách Việt
30	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
31	Công ty TNHH Dược phẩm Nasaki
32	Công ty TNHH Dược phẩm và Hóa chất Nam Linh
33	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp
34	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam) Co., Ltd.
35	Công ty TNHH Novartis Việt Nam
36	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam
37	Công ty TNHH Sinh Dược Phẩm Hera
38	Công ty TNHH Sự Lựa Chọn Vàng
39	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật Đức Việt
40	VPDD Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited
41	VPDD Astellas Pharma Singapore Pte., Ltd.
42	VPDD AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.
43	VPDD Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.
44	VPDD Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.
45	VPDD Boehringer Ingelheim International
46	VPDD Chong Kun Dang Pharm. Corp.
47	VPDD Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.
48	VPDD DKSH Singapore Pte., Ptd.
49	VPDD Egis Pharmaceuticals PLC
50	VPDD Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd.
51	VPDD Exeltis Healthcare S.L
52	VPDD F.Hoffmann - La Roche Ltd.
53	VPDD GlaxoSmithKline Pte., Ltd.
54	VPDD Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
55	VPDD Janssen - Cilag Ltd.
56	VPDD Les Laboratoires Servier
57	VPDD Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.
58	VPDD Novartis Pharma Services AG
59	VPDD Novartis (Singapore) Pte., Ltd.
60	VPDD Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
61	VPDD Pfizer (Thailand) Ltd.
62	VPDD Pharmascience Inc
63	VPDD Sanofi- Aventis Singapore Pte., Ltd.
64	VPDD Santen Pharmaceutical Asia Pte., Ltd.

STT	Cơ sở kinh doanh được Báo cáo PSUR, PBRER
14	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam) Co., Ltd.
15	Công ty TNHH một thành viên Vimedimex Bình Dương
16	Công ty TNHH Novartis Việt Nam
17	Công ty TNHH Parexel Việt Nam
18	Công ty TNHH Pfizer (Việt Nam)
19	Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam
20	Công ty TNHH Roche Pharma (Việt Nam)
21	Công ty TNHH Sanofi - Aventis Việt Nam
22	Công ty EPD Abbott Việt Nam
23	Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh
24	VPDD A.Menarini Singapore Pte. Ltd.
25	VPDD Adamed Pharma S.A, Ba Lan
26	VPDD Alcon Pharmaceutical Ltd.
27	VPDD Astellas Pharma Singapore Pte., Ltd.
28	VPDD AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.
29	VPDD Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.
30	VPDD Bayer Pharma AG
31	VPDD Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd
32	VPDD Boehringer Ingelheim Int GmbH
33	VPDD Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.
34	VPDD Dr Reddy's Laboratories Ltd.
35	VPDD Egis Pharmaceuticals Private Ltd.
36	VPDD Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd.
37	VPDD Ferring Pharmaceuticals Ltd.
38	VPDD Ferring Private Ltd.
39	VPDD Gedeon Richter Plc
40	VPDD GlaxoSmithKline Pte., Ltd.
41	VPDD Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
42	VPDD Hoffmann la Roche
43	VPDD Hyphens Pharma Pte., Ltd.
44	VPDD Ipsen Consumer Healthcare
45	VPDD Ipsen Pharma
46	VPDD Jansen Cilag Ltd.
47	VPDD Kedrion S.p.A.
48	VPDD Laboratoire Aguettant
49	VPDD Les Laboratoires Servier
50	VPDD Medochemie Limited
51	VPDD Merck Export GmbH
52	VPDD Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.
53	VPDD Merz Asia Pacific Pte. Ltd.
54	VPDD Mundipharma pharmaceuticals Pte., Ltd.
55	VPDD Novartis Pharma Services AG
56	VPDD Novartis Singapore Pte., Ltd.
57	VPDD Novo Nordisk Pharma Operations A/S
58	VPDD Orient Europharma Pte., Ltd.
59	VPDD Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
60	VPDD Pfizer (Thailand) Ltd
61	VPDD Pierre Fabre S.A.
62	VPDD Stragen Pharma S.A.
63	VPDD Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
64	VPDD Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.

STT	Cơ sở kinh doanh dược
Báo cáo 2A, 2B	
65	VPDD Stragen Pharma S.A
66	VPDD Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
67	VPDD Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.
68	VPDD TTY Biopharm Co., Ltd.
69	VPDD Unico Alliance Co., Ltd.
70	VPDD Zuellig Pharma Pte., Ltd.
71	Viện nghiên cứu hạt nhân

STT	Cơ sở kinh doanh dược
Báo cáo PSUR, PBRER	
65	VPDD Tedis
66	VPDD Unico Alliance Co., Ltd.
67	VPDD Zuellig Pharma Pte., Ltd.

2.2. Thông tin về thuốc nghi ngờ gây phản ứng có hại từ các báo cáo

Trong số các báo cáo đã tiếp nhận, có 2553 báo cáo ADR liên quan đến các thuốc đã được cấp số đăng ký lưu hành, 13 báo cáo về chất lượng thuốc, 14 báo cáo về sai sót trong sử dụng thuốc và 131 báo cáo loại khác (như sử dụng thuốc không theo chỉ định đã được phê duyệt, kháng thuốc...).

Danh sách các thuốc nghi ngờ (đã được cấp số đăng ký lưu hành) được ghi nhận ADR nhiều nhất được trình bày trong bảng 14.

Bảng 14: Danh sách các thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm

STT	Hoạt chất	Số lượng	Tỷ lệ (%) N=2553
1	Beclometason dipropionat, formoterol fumarat	509	19,9
2	Beclometason dipropionat, formoterol fumarat, glycopyrronium	151	5,9
3	Rituximab	139	5,4
4	Atorvastatin	138	5,4
5	Trastuzumab	120	4,7
6	Pertuzumab	102	4,0
7	Methotrexat	98	3,8
8	Rosuvastatin	97	3,8
9	Atezolizumab	77	3,0
10	Tacrolimus	76	3,0

Các thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất từ các cơ sở kinh doanh dược thuộc 4 nhóm chính: thuốc adrenergic dạng hít (phối hợp beclometason dipropionat/formoterol fumarat và beclometason dipropionat/formoterol fumarat/glycopyrronium là các thuốc được báo cáo với tần suất cao nhất, tương ứng 19,9% và 5,9%); nhóm kháng thể đơn dòng, phức hợp thuốc-kháng thể (rituximab, trastuzumab, pertuzumab, atezolizumab); thuốc điều chỉnh lipid (atorvastatin, rosuvastatin) và thuốc ức chế miễn dịch (methotrexat và tacrolimus).

III. BÁO CÁO ADR TỪ NGHIÊN CỨU THỬ NGHIỆM LÂM SÀNG

Ngày 11/06/2020, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 10/2020/TT-BYT Quy định về thử tương đương sinh học của thuốc, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/08/2020. Trong đó, Điều 9 của Thông tư này có quy định về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục I về Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng của Thông tư số 29/2018/TT-BYT.

Theo Phụ lục “Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng” được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BYT, Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc tiếp nhận báo cáo SAE trong nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng; phối hợp với Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học quốc gia để xem xét, đánh giá báo cáo SAE; thống

kê, phân tích dữ liệu các báo cáo SAE trong các nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng; báo cáo, tư vấn, đề xuất cơ quan quản lý có thẩm quyền những nội dung liên quan đến bảo đảm an toàn cho người tham gia thử thuốc”. Thông tin chi tiết về hoạt động theo dõi biến cố bất lợi của thuốc trong thử nghiệm lâm sàng cũng được cập nhật trong “Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác Dược” (kèm theo Quyết định số 122/QĐ-BYT ngày 11/01/2021 của Bộ Y tế).

Năm 2022, Trung tâm DI & ADR Quốc gia đã nhận được 1955 báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng (tăng 62,9%) xảy ra trong 79 nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam, từ 65 đơn vị nhận thử nghiệm lâm sàng.

IV. XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN LIÊN QUAN ĐẾN AN TOÀN THUỐC

Năm 2022, Trung tâm DI & ADR Quốc gia đã xử lý 49 trường hợp phản hồi khẩn liên quan tới an toàn thuốc. Trong đó, 33 trường hợp là báo cáo ADR khẩn phản hồi cho cán bộ y tế và đơn vị gửi báo cáo ADR và 16 trường hợp công văn cung cấp thông tin về an toàn thuốc cho các cơ quan quản lý của Bộ Y tế.

4.1. Các trường hợp báo cáo khẩn từ cá nhân/đơn vị gửi báo cáo

Các báo cáo ADR được phân loại là báo cáo khẩn bao gồm:

- Báo cáo ADR có hậu quả tử vong nghi ngờ liên quan đến thuốc.
- Chuỗi báo cáo về ADR ngoài dự kiến dựa vào tác dụng dược lý đã biết của thuốc, xảy ra liên tiếp trong khoảng thời gian ngắn. Trong đó:

- Có tối thiểu 2 báo cáo nghiêm trọng với thuốc trong cùng 1 lô xảy ra trong vòng 7 ngày tại 1 đơn vị. Hoặc:
- Có tối thiểu 5 báo cáo không nghiêm trọng với thuốc trong cùng 1 lô xảy ra trong vòng 7 ngày tại 1 đơn vị.

Các trường hợp báo cáo khẩn chủ yếu liên quan đến sốc phản vệ gây tử vong hoặc đe dọa tính mạng người bệnh (bảng 15). Trong đó, có 23 trường hợp tử vong, 5 trường hợp chưa hồi phục, 2 trường hợp không rõ thông tin về hậu quả của phản ứng và 4 trường hợp chuỗi báo cáo mà phản ứng có hại xảy ra với cùng một lô thuốc trong một thời gian ngắn.

Bảng 15: Các trường hợp báo cáo ADR được xử lý khẩn năm 2022

STT	Hoạt chất	Tên thương mại*	Nhà sản xuất	Số lô	Biểu hiện ADR	Số trường hợp	Kết quả sau xử trí
1	Ampicilin/Sulbactam	Visulin	Công ty CPDP VCP	0402022	Sau tiêm 30 phút trẻ xuất hiện tím tái, không thấy nhịp tim	1	Tử vong
2	Bupivacain	Marcain	AstraZeneca (Pháp)	F0334-1	BN than mệt, buồn nôn, sau 2 phút lơ mơ, môi tái, thờ co kéo, da lạnh, tim rời rạc, phổi ran rít, huyết áp không đo được. Mạch giảm từ 80 lần/phút xuống 40 lần/phút, SpO2 52%.	1	Chưa hồi phục
3	Cefalotin	Tenafathin	Công ty CPDP Tenamyd	M21001	Phản vệ độ 2	3	Hồi phục
4	Cefoperazon	Cerapix	Pymephaco	10121	Khó chịu ở cổ, người tím tái, sùi bọt mép	1	Không rõ

STT	Hoạt chất	Tên thương mại*	Nhà sản xuất	Số lô	Biểu hiện ADR	Số trường hợp	Kết quả sau xử trí
5		Trikapezon 2g	Công ty CPDP TW 1 - Pharbaco	42075	BN nề 2 mi mắt, kích thích, khó thở, mạch nhanh nhỏ khó bắt, ho dữ dội, ho ra máu lẫn bọt hồng, đột ngột ngừng tim, ngừng hô hấp, mạch ngoại vi không bắt được, huyết áp không đo được, đồng tử giãn tối đa	1	Từ vong
6		Bacsulfo 1g	Imexpharm	Không rõ	Sốc phản vệ, ngừng tim	1	Từ vong
7	Cefoperazon/ Sulbactam	Midapezon 1g/0,5g	CT CPDP Minh Dân	11022	Kích thích cơ giât, tím tái toàn thân, chân tay lạnh, khó thở dữ dội, thở ngáp. Tim đập rời rạc, mạch cánh, mạch bẹn không bắt được, phổi ran không nghe rõ, bụng mềm.	1	Từ vong
8	Cefotaxim	Taxibiotic 1000	Labesfal Laboratorios Almiro S.A tại CTCP dược phẩm Tenamyd	B42006	Sốc phản vệ	1	Từ vong
9	Cefoxitin	Tenafotin 2000	CTCP dược phẩm Tenamyd	L62003	BN mệt, khó thở, sùi bọt hồng, ngưng hô hấp tuần hoàn	1	Từ vong
10	Ceftizoxim	Ceftizoxim	Chi nhánh 3 công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm- Bình Dương	00322	Sốc phản vệ	1	Từ vong
11		Rocephin 1g	Roche	B0758B07	Kích thích, tím tái, khó thở, tím môi, mạch nhanh nhỏ, chân tay lạnh, phổi rale rít 2 bên	1	Từ vong
12	Ceftriaxon	Ceftriaxone 1000	CTCP Dược phẩm Tenamyd	C42008	Sốc phản vệ	1	Từ vong
13		Rocephin 1g	F. Hofmann - La Roche Ltd., Thụy Sĩ	B0811	Buồn nôn, nôn, khó thở, trợn mắt, tím tái toàn thân, có dấu hiệu ngừng tuần hoàn	1	Từ vong
14	Cefuroxim	Medaxetine	Medochemie Ltd, Sip	C129BB	Sốc phản vệ	1	Từ vong
15	Ciprofloxacín	Ciprofloxacín	CTCP DP Khánh Hòa	6480822	Nói sảng, kích động	1	Từ vong
16	Esomeprazol	Nexium 40 mg	AstraZeneca	Không rõ	Stevens-Johnson nghiêm trọng trên da, suy đa tạng, sốc nhiễm trùng	1	Từ vong
17	Glucose	Glucose 5%	Fresenius Kabi Việt Nam	86PMP248	Rét run, mạch nhanh, huyết áp tăng, khó thở, thở nhanh	1	Chưa hồi phục
18	Glutathion	Vinluta 900	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Không rõ	BN sung huyết, mẩn đỏ toàn thân kèm khó thở nhiều sau đó lơ	1	Từ vong

STT	Hoạt chất	Tên thương mại*	Nhà sản xuất	Số lô	Biểu hiện ADR	Số trường hợp	Kết quả sau xử trí
					mơ, tím tái nhiều, mạch quay không bắt được		
19	Iohexol	Omnipaque	Ireland	15159080	Sốc phản vệ	2	1 Từ vong, 1 Hồi phục
20	Ketoprofen	Keronbe	Daihan Pharm. Co., Ltd., Hàn Quốc	2002AJ5	Da xanh, tái lạnh, niêm mạc nhợt, tím rời rạc, thờ ngáp, huyết áp không đo được	1	Từ vong
21	Khỏi tiểu cầu	Khỏi tiểu cầu	Không rõ	Không rõ	Khó thở, ập vã, kích thích, ho nhiều, khàn tiếng, thờ rít thanh quản	1	Từ vong
22	Levofloxacin	Levofloxacin	Cooper S.A Pharmaceutical	21079	Đột ngột mất ý thức, tím tái, rung thất sóng lớn, huyết áp không đo được	1	Từ vong
23	Lidocain	Lidocain	Không rõ	Không rõ	Mất ý thức, tím tái, mạch nhanh nhỏ, huyết áp khó đo, SpO2: 80%	1	Từ vong
24	Midazolam	Paciflam	Siegfried Hameln GmbH	201019	Ngưng hô hấp - tuần hoàn	1	Không rõ
25	Nefopam	Acupan	Delpharm Tours Rue Paul Langevin 37170 Chambray-Les-Tours France	D795	Ban đầu mạch nhanh 106 lần/phút, sau đó chậm dần, huyết áp tụt, ngừng tim	1	Chưa hồi phục
26	Pazopanib	Votrient	Novartis	Không rõ	Thủng ruột	1	Từ vong
27	Piperacilin/Tazobactam	Zobacta	Imexpharm	01319	Sốc phản vệ	1	Chưa hồi phục
28	Remdesivir	Remdesivir	Ấn Độ	L610276	Lạnh run, khó thở, mạch nhanh, phổi ran rít, ran ngáy	3	Hồi phục
29	Cefoperazon	Hwazon	Hwail Pharm. Co., Ltd - Hàn Quốc	H006; J168; H005; H016; 0319; 40321	Nổi mẩn đỏ, ngứa, mày đay (4 TH), khó thở (4 TH), buồn nôn (1 TH), mạch nhanh (1 TH), phản vệ (4 TH)	11	Hồi phục
	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 100ml	CT TNHH Dược phẩm Allomed	SA0480222			Hồi phục
30	Cefotaxim	Cefovidi	Vidipha	2011021	Ngưng tuần hoàn, da môi tím, mạch cảnh 2 bên mất, vùng trước tim không thấy tiếng đập	1	Từ vong
	Citicolin	Difosfocin	Mitim S.R.L	Không rõ			
31	Fentanyl	Fenilham	Siegfried Hameln GmbH	115022	Bệnh nhân tím, mạch = 0, huyết áp = 0, SpO2 = 0, nhịp thở = 0	1	Chưa hồi phục
	Propofol	Fresofol 1% MCT/LCT	Fresenius Kabi Austria GmbH	16QE1300			
	Rocuronium bromid	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	16PG09			

STT	Hoạt chất	Tên thương mại*	Nhà sản xuất	Số lô	Biểu hiện ADR	Số trường hợp	Kết quả sau xử trí
	Omeprazol	Atimezon inj	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên	103065			
32	Fentanyl	Fentanyl	Đức	139006	Sốc phản vệ	1	Tử vong
	Propofol	Fresofol 1%	Austria	16QL2719			
	Rocuronium bromid	Rocuronium	Austria	16QL06			
	Sevofluran	Sevoran 250ml	Italy	1162356			
33	Không rõ thành phần	Viêm mũi, thấp khớp	Thầy lang	-	Sau 3 năm dùng thuốc, BN vàng da, vàng mắt, bilirubin tăng cao, ăn uống kém, mệt nhiều, mất ngủ 1 tháng nay, nhập viện được 2 tuần thì suy hô hấp trở nặng	1	Tử vong

Ghi chú: * Thông tin về thuốc nghi ngờ (nhà sản xuất, số lô) được tổng hợp từ các báo cáo ADR gửi tới Trung tâm DI & ADR Quốc gia hoặc Trung tâm DI & ADR khu vực TP Hồ Chí Minh; TH= trường hợp; BN= bệnh nhân.

4.2. Cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý của Bộ Y tế

Song song với công tác phản hồi khẩn cho cá nhân, đơn vị gửi báo cáo ADR, Trung tâm DI & ADR Quốc gia cũng cập nhật các thông tin về an toàn thuốc gửi cơ quan quản lý của Bộ Y tế. Năm 2022, tổng số vấn đề an toàn thuốc đã gửi tới cơ quan quản lý của Bộ Y tế là 16 (bảng 16).

Bảng 16: Các trường hợp cung cấp thông tin về an toàn thuốc cho cơ quan quản lý của Bộ Y tế

STT	Nội dung thông tin
1	Cập nhật thông tin về an toàn và hiệu quả của thuốc molnupiravir
2	Cung cấp thông tin về hiệu quả và an toàn của các thuốc kháng virus điều trị Covid-19
3	Cung cấp thông tin về việc ngừng lưu hành các dịch truyền chứa Hydroxyethyl-Starch (HES)
4	Cung cấp thông tin dược lý lâm sàng của thuốc chứa progesteron 10mg/g (gel)
5	Cung cấp thông tin về việc Pfizer thu hồi thuốc chứa quimapril do chứa tạp chất nitrosamin
6	Khuyến cáo theo dõi tuyến giáp ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ được tiêm thuốc cản quang chứa Iod
7	Cung cấp thông tin về chuỗi báo cáo ADR liên quan đến chế phẩm Hwazon 1g và dung dịch Natri clorid 0,9% 100ml
8	Cập nhật chống chỉ định, cảnh báo và thận trọng của Etifoxin
9	Cảnh báo tăng nguy cơ tử vong ở người bệnh dưới 65 tuổi liên quan đến việc sử dụng dexmedetomidin.
10	Khuyến cáo mới về theo dõi bệnh nhân sử dụng metformin có yếu tố nguy cơ giảm vitamin B12 huyết thanh
11	Cung cấp thông tin về việc tránh sử dụng các thuốc NSAIDs cho phụ nữ có thai từ tuần thứ 20 trở đi lên
12	Cung cấp thông tin về khuyến cáo mới liên quan đến các thuốc chứa terdipressin
13	Cung cấp thông tin về việc thay đổi điều kiện kê đơn và cấp phát các thuốc chứa topiramet
14	Cảnh báo nguy cơ gặp phản ứng có hại nghiêm trọng trên thận và đường tiêu hóa khi sử dụng chế phẩm phối hợp chứa codein và ibuprofen
15	Cung cấp thông tin về báo cáo ADR liên quan đến thuốc Tenamyd - Ceftriaxon 1000, NSX: công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd (Việt Nam), Số lô: C42011
16	Cung cấp thông tin về báo cáo ADR liên quan đến thuốc Acryptega (TLD)

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Năm 2022, Trung tâm DI & ADR Quốc gia và Trung tâm DI & ADR khu vực TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận 19591 báo cáo ADR tương ứng với 199 báo cáo/1 triệu dân. Tỷ lệ này đã gần bằng so với tiêu chuẩn hệ thống Cảnh giác Dược hoạt động có hiệu quả của Tổ chức Y tế thế giới (200 báo cáo/1 triệu dân). Số báo cáo ADR đã tiếp nhận bao gồm 14942 báo cáo ADR được gửi từ các cơ sở khám, chữa bệnh; 2711 báo cáo ADR xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam từ các cơ sở kinh doanh dược (17 báo cáo trùng với báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh); và 1955 báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng từ các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam. Các báo cáo này được gửi từ 847 cơ sở khám, chữa bệnh; 60 đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm; và 65 tổ chức nhận thử nghiệm lâm sàng. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai thành phố có tỷ lệ báo cáo ADR cao nhất (tương ứng 34,1% và 15,2%). Có 7 tỉnh/thành phố có số báo cáo/1 triệu dân cao hơn 200 báo cáo/1 triệu dân bao gồm thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang, thành phố Hải Phòng và tỉnh Bạc Liêu. Cán bộ y tế tham gia gửi báo cáo ADR chủ yếu là dược sĩ (50,4%) và bác sĩ - y sĩ (25,3%), phần lớn báo cáo được gửi từ các đơn vị ở Đông Nam bộ và vùng đồng bằng sông Hồng, từ các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa và bệnh viện thuộc khối các bệnh viện công lập.

Tổng số 49 trường hợp phản hồi khẩn liên quan tới an toàn thuốc đã được xử lý. Trong đó, 33 trường hợp là báo cáo ADR khẩn phản hồi cho cán bộ y tế và đơn vị gửi báo cáo ADR (bao gồm 23 trường hợp tử vong, 5 trường hợp chưa hồi phục và 4 trường hợp chuỗi báo cáo) và 16 vấn đề cung cấp thông tin về an toàn thuốc cho các cơ quan quản lý của Bộ Y tế. Các thuốc nghi ngờ gây phản ứng có hại xuất hiện nhiều nhất trong các báo cáo ADR thuộc 2 nhóm chính: kháng sinh (ceftriaxon, cefotaxim, vancomycin, ciprofloxacin, cefoperazon, levofloxacin, cefazolin, ampicilin/chất ức chế betalactamase và amoxicilin/chất ức chế betalactamase) và nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (diclofenac). Ceftriaxon là thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất với tỷ lệ 7,9%.

Bên cạnh các ADR rối loạn toàn thân và biểu hiện trên da, các ADR liên quan đến các thuốc kháng sinh và thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, cán bộ y tế cũng cần chú ý theo dõi, phát hiện và báo cáo các biến cố bất lợi của các nhóm thuốc khác (đặc biệt các nhóm thuốc có nguy cơ cao gây ADR, thuốc có phạm vi điều trị hẹp), các ADR trên các hệ cơ quan khác, các biến cố bất lợi cần giám sát thông qua các thăm dò chức năng chuyên sâu hay xét nghiệm cận lâm sàng.

Để triển khai hiệu quả công tác báo cáo phản ứng có hại của thuốc, Trung tâm DI&ADR Quốc gia xin đề nghị:

- Các cơ quan quản lý của Bộ Y tế, Sở y tế tỉnh/thành phố, Y tế ngành tăng cường chỉ đạo và giám sát việc triển khai các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác giám sát phản ứng có hại của thuốc tới các đơn vị trong phạm vi quản lý chuyên môn của mình.

- Các cơ sở khám, chữa bệnh cần xây dựng, cập nhật và triển khai quy trình báo cáo ADR tại đơn vị, phổ biến các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến công tác giám sát phản ứng có hại của thuốc tới cán bộ y tế, khuyến khích và hỗ trợ cán bộ y tế báo cáo ADR.

- Trung tâm DI & ADR Quốc gia/Trung tâm khu vực đẩy mạnh công tác thẩm định, phản hồi kịp thời thông tin về ADR cho cá nhân/đơn vị gửi báo cáo và cung cấp các thông tin chuyên môn liên quan đến an toàn thuốc từ cơ sở dữ liệu báo cáo ADR cho các Cục, Vụ chức năng của Bộ Y tế để có quyết định quản lý phù hợp.